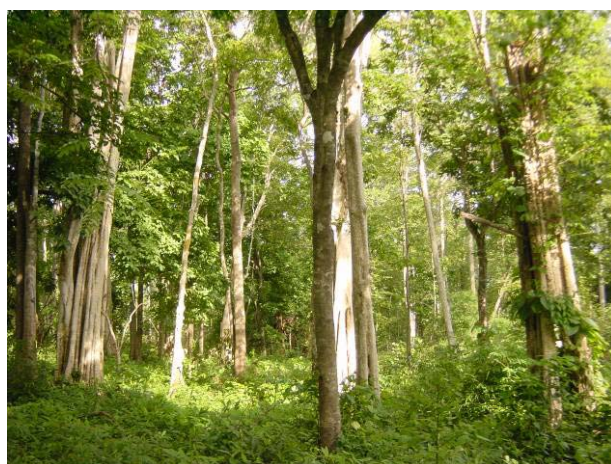




Hướng dẫn

GIAO ĐẤT RỪNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN



Tháng 10 năm 2006

Mục lục

PHẦN I: GIỚI THIỆU	3
1.1 Bối cảnh	3
1.2 Mục đích, đối tượng sử dụng tài liệu hướng dẫn	3
1.3 Giới thiệu tổng quát về tài liệu hướng dẫn và cách sử dụng	4
PHẦN II: NGUYÊN TẮC GIAO ĐẤT RỪNG	5
2.1 Giao đất rừng phải tuân theo các cơ sở pháp lý	5
2.2 Giao đất rừng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và truyền thống sử dụng đất của cộng đồng dân tộc thiểu số	5
2.3 Giao đất rừng phải được tiến hành có sự tham gia của người dân, cộng đồng	6
PHẦN III: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH	8
Bước 1: Chuẩn bị và thống nhất kế hoạch giao	8
Bước 2: Thống nhất triển khai giao đất rừng ở thôn buôn - Họp dân lần 1	10
Bước 3: Đánh giá nông thôn có sự tham gia theo chủ đề quản lí tài nguyên rừng	11
Bước 4: Điều tra quy hoạch rừng có sự tham gia của người dân	14
Bước 5: Thống nhất các điểm cơ bản về giao đất rừng với cộng đồng – Họp dân lần 2	15
Bước 6: Hoàn chỉnh hồ sơ, phương án giao đất rừng	16
Bước 7: Thẩm định phương án giao đất rừng	16
Bước 8: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng và bàn giao trên thực địa	18
Bước 9: Giám sát và đánh giá định kỳ	18
PHẦN IV: HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN, KỸ THUẬT	21
4.1 Các công cụ PRA trong giao đất rừng	22
<i>Công cụ 1: Lược sử thôn buôn</i>	<i>23</i>
<i>Công cụ 2: Phân loại kinh tế hộ</i>	<i>23</i>
<i>Công cụ 3: Biểu đồ thay đổi sử dụng đất rừng theo thời gian</i>	<i>26</i>
<i>Công cụ 4: Phân loại rừng dựa vào cộng đồng</i>	<i>29</i>
<i>Công cụ 5: Vẽ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất rừng</i>	<i>30</i>
<i>Công cụ 6: Lát cắt</i>	<i>31</i>
<i>Công cụ 7: Ma trận về tiềm năng lâm sản ngoài gỗ</i>	<i>33</i>

<i>Công cụ 8: Sơ đồ Venn về tổ chức</i>	<i>35</i>
<i>Công cụ 9: Phiếu thăm dò về phương thức giao đất rừng cho hộ hay nhóm hộ hay cộng đồng (thôn buôn).....</i>	<i>37</i>
<i>Công cụ 10: Vẽ sơ đồ giao đất rừng cho hộ, nhóm hộ hay cộng đồng.....</i>	<i>39</i>
<i>Công cụ 11: Vẽ sơ đồ quy hoạch sử dụng rừng và đất rừng</i>	<i>40</i>
4.2 Các công cụ điều tra quy hoạch đất rừng có sự tham gia của người dân	41
<i>Công cụ 12: Khoanh vẽ và đo đếm diện tích các trạng thái rừng</i>	<i>41</i>
<i>Công cụ 13: Khoanh vẽ ranh giới và đo đếm diện tích giao cho hộ, nhóm hộ, cộng đồng.....</i>	<i>43</i>
<i>Công cụ 14: Ước lượng các chỉ tiêu lâm học cho từng trạng thái rừng.....</i>	<i>45</i>
<i>Công cụ 15: Lập bản đồ quy hoạch và kế hoạch sử dụng rừng và đất rừng</i>	<i>47</i>
4.3. Hướng dẫn các bước tiếp cận để ngăn ngừa mâu thuẫn trong giao đất rừng	48
PHÂN V: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN	49
<i>Hướng dẫn 1: Mẫu đơn xin nhận đất rừng</i>	<i>50</i>
<i>Hướng dẫn 2: Đề cương phương án giao đất rừng.....</i>	<i>51</i>
<i>Hướng dẫn 3: Xây dựng kế ước giao đất rừng</i>	<i>54</i>
<i>Hướng dẫn 4: Mẫu đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất rừng.....</i>	<i>58</i>
<i>Hướng dẫn 5: Quyết định của UBND huyện về việc giao đất rừng.....</i>	<i>60</i>

PHẦN I: GIỚI THIỆU

1.1 Bối cảnh

Giao đất giao rừng là một chủ trương lớn có tính chiến lược trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững dựa vào cộng đồng thôn (buôn) của chính phủ Việt Nam.

Chính phủ đã ban hành các nghị định số 01/1995/NĐ-CP về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước; nghị định số 02/1994/NĐ-CP về giao rừng và đất rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; và sau này thay thế bởi nghị định số 163/1999/NĐ-CP về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Dăk Lak là tỉnh có diện tích rừng rất lớn có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số. Chiến lược phát triển lâm nghiệp của tỉnh trong những năm đến đã xác định rõ mục tiêu xã hội hoá nghề rừng thông qua giao và khoán rừng và đất rừng cho người dân; khuyến khích họ tham gia vào quản lý rừng bền vững và nâng cao đời sống. Từ năm 1998, Dak Lak đã triển khai thực hiện thí điểm chương trình giao đất giao rừng tự nhiên. Lúc bấy giờ, ngành lâm nghiệp chưa ban hành quy trình kỹ thuật giao đất giao rừng. Trong hoàn cảnh đó, trên cơ sở những bài học kinh nghiệm thực tiễn từ các mô hình thí điểm, Nhóm tư vấn lâm nghiệp Dak Lak đã tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh xây dựng và ban hành tài liệu: ***“Hướng dẫn Kỹ thuật giao đất lâm nghiệp có sự tham gia của người dân áp dụng trên địa bàn xã, tỉnh Đăklăk”*** vào tháng 01 năm 2001. Cho đến nay, sau hàng loạt các luật định và chính sách ra đời như Luật đất đai 2003, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004, Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp, tài liệu hướng dẫn nói trên đã không còn phù hợp. Đồng thời, các kết quả đánh giá giao đất giao rừng gần đây cho thấy yêu cầu cần có những bổ sung và cải tiến về mặt nội dung và phương pháp tiếp cận để công tác giao đất giao rừng thực sự có hiệu quả và bền vững hơn. Với lý do đó, cùng với sự hỗ trợ của dự án Phát triển nông thôn Đăk Lăk (RDDL) và dự án Lâm nghiệp và Phổ cập Đào tạo (ETSP), Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiến hành biên soạn lại tài liệu này và lấy tiêu đề là: ***“Hướng dẫn giao đất rừng có sự tham gia của người dân”***.

Tài liệu hướng dẫn này được trình bày tại hội thảo đánh giá ở Buôn Ma Thuột, ngày 02-03/12/2004; và đã được bổ sung hoàn chỉnh dựa trên kết quả hội thảo. Sở Nông nghiệp và PTNT Dak Lak xin chân thành cảm ơn nhóm tác giả PGS TS Bảo Huy, Trưởng Đại học Tây Nguyên, KS Đặng Thanh Liêm, chuyên gia lâm nghiệp cộng đồng, dự án Phát triển Nông thôn Dak Lak, ThS Nguyễn Văn Xuân, Chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp Dak Lak và ThS Trần Hữu Nghị, chuyên viên Chi cục Lâm nghiệp. Lời cảm ơn chân thành nhất cũng xin được gửi đến các cơ quan ban ngành có liên quan trong tỉnh, nhất là ở hai huyện Ea H'Leo và Lak vì những đóng góp ý kiến rất quý báu để nâng cao chất lượng tài liệu.

Hy vọng rằng tài liệu hướng dẫn này sẽ giúp ích cho các đơn vị cơ sở triển khai thực hiện tốt công tác giao đất giao rừng; góp phần hoàn thành tốt những mục tiêu mà chiến lược phát triển lâm nghiệp của tỉnh đã đề ra.

1.2 Mục đích, đối tượng sử dụng tài liệu hướng dẫn

Mục tiêu chung của giao đất rừng là góp phần quản lý rừng bền vững dựa vào cộng đồng, do vậy người dân cần được tham gia trực tiếp, đầy đủ trong suốt tiến trình tổ chức

giao và đóng vai trò chủ quản lý thực sự tài nguyên rừng được giao; đồng thời phải có được phương án giao bảo đảm tính công bằng, khả thi, hiệu quả và ổn định lâu dài.

Mục đích của tài liệu hướng dẫn:

- Cung cấp những nguyên tắc, phương pháp tiếp cận, phương pháp kỹ thuật trong tiến trình giao đất rừng, trong đó nhấn mạnh đến cách tiến hành thu hút sự tham gia tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng được giao.
- Thống nhất thủ tục và trình tự giao đất rừng từ khi triển khai cho đến khi cấp quyền sử dụng đất rừng.

Đối tượng sử dụng tài liệu hướng dẫn:

Các nhà quản lý, lãnh đạo các cấp: Tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Sở ban ngành liên quan, lãnh đạo các huyện, xã sử dụng tài liệu này để chỉ đạo, giám sát và ra các quyết định hỗ trợ cho tiến trình giao đất rừng.

Cán bộ hiện trường: Cán bộ lâm nghiệp của Sở NN & PTNT, Chi cục lâm nghiệp, cán bộ phòng Nông nghiệp Địa chính Huyện, cán bộ Lâm trường, Chi cục và Hạt kiểm lâm và các bên liên quan tham gia vào tiến trình giao đất rừng.

Phạm vi áp dụng:

Tài liệu này được áp dụng để tổ chức giao đất rừng cho hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ hoặc cộng đồng dân cư thôn, buôn sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

1.3 Giới thiệu tổng quát về tài liệu hướng dẫn và cách sử dụng

Tài liệu này gồm có 5 phần:

- **Phần I - Giới thiệu:** Giới thiệu chung về bối cảnh giao đất rừng, mục đích, đối tượng sử dụng tài liệu và phạm vi áp dụng
- **Phần II - Nguyên tắc giao đất rừng:** Trình bày các nguyên tắc pháp lý, quy hoạch và các hướng dẫn, định hướng trong tiếp cận giao đất rừng cho người dân.
- **Phần III - Nội dung và phương pháp tiến hành:** Trình bày cụ thể từng bước theo trình tự tiến hành trong thực tế và yêu cầu kết quả. Trong mỗi bước giới thiệu vắn tắt phương pháp và liên kết nó với phần IV và V để theo dõi và áp dụng được phương pháp, công cụ thích hợp
- **Phần IV - Hướng dẫn phương pháp tiếp cận, kỹ thuật:** Các phương pháp tiếp cận, kỹ thuật được giới thiệu theo dạng công cụ, được xác định mục đích, trình tự, cách làm và kết quả cụ thể; cách thiết kế theo hướng đơn giản, dễ tra cứu áp dụng và phù hợp với các nội dung từng bước trong phần III.
- **Phần V - Hướng dẫn xây dựng các văn bản:** Các mẫu biểu, văn bản liên quan suốt tiến trình tổ chức giao đất rừng được trình bày, thiết kế, định dạng để hỗ trợ cho việc hoàn chỉnh các văn bản hành chính và kỹ thuật.

PHẦN II: NGUYÊN TẮC GIAO ĐẤT RỪNG

2.1 Giao đất rừng phải tuân theo các cơ sở pháp lý

Giao đất rừng phải được thực hiện trong khuôn khổ các văn bản hiện hành của nhà nước, bao gồm:

- Luật đất đai ngày 10/12/2003.
- Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004
- Quyết định 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.
- Quyết định 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp.
- Thông tư liên tịch giữa Tổng cục Địa chính với Bộ Tài chính số 1442/1999/TTLT-TCĐC-BTC ngày 21/9/1999 hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chỉ thị số 18/1999/CT-TTg ngày 1/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ
- Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.
- Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT/BNN-TCĐC ngày 6/6/2000 của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Tổng cục địa chính về hướng dẫn giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.
- Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/1/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
- Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.
- Thông tư liên tịch số 80/2003/TTLT/BNN-BTC của Bộ NN & PTNT và Bộ Tài Chính ngày 03/09/2003 về “Hướng dẫn thực hiện quyết định 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp”.
- Nghị định số 139/2004/NĐCP ngày 25/6/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản
- Quyết định số 134/2004/QĐ TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn

Trong đó cần lưu ý các văn bản pháp lý: Luật đất đai 2003, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004, Nghị định 163, Quyết định 178, Thông tư liên tịch 80 và quyết định 134 để tổ chức giao và cấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp, cũng như xác định việc phân chia lợi ích cho người nhận rừng.

2.2 Giao đất rừng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và xem xét truyền thống sử dụng đất của cộng đồng dân tộc thiểu số

Để việc giao đất rừng có tính hệ thống, phục vụ cho việc phát triển ổn định lâu dài, bền vững cần căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất và xem xét đến truyền thống, phong tục tập

quản sử dụng đất của các cộng đồng dân tộc thiểu số, những người đang sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng. Do đó việc giao đất rừng phải thoả mãn các điều kiện sau:

- Diện tích giao phải nằm trong khu vực quy hoạch đất rừng cấp xã.
- Giao đất giao rừng cần được xem như là một bổ sung vào việc quy hoạch sử dụng đất rừng, trong đó cần xem xét đến khu vực rừng truyền thống và đất canh tác nương rẫy hiện tại của thôn buôn để tạo thuận lợi cho việc kế thừa và phát huy những ưu điểm trong quản lý rừng theo truyền thống của người dân tộc thiểu số.
- Giao đất rừng cho người dân cần cân đối với quy hoạch quản lý đất rừng của các thành phần kinh tế khác như lâm trường, công ty, địa phương, ... Trong đó phần lớn vùng giao được lấy từ đất các lâm trường đang quản lý, do đó cần có xem xét đến quy mô quản lý thích hợp của lâm trường để cân đối giữa khả năng quản lý với lợi ích lâu dài giữa các bên trong tiến trình quản lý rừng bền vững ở từng địa phương.
- Quy mô giao phải phù hợp với năng lực quản lý, lao động để bảo vệ và kinh doanh của đối tượng nhận và không vượt quá quy định hiện hành (theo Nghị định 163/1999/CP-NĐ quy mô giao đất lâm nghiệp do tỉnh quyết định nhưng không quá 30ha/hộ)
- Vùng giao không có tranh chấp với các cá nhân, tổ chức, thôn buôn và địa phương khác
- Vùng giao cần ưu tiên là nơi rừng có nguy cơ bị mất hoặc giảm chất lượng trong tương lai gần nếu không tiến hành giao cho dân để nhằm thu hút lực lượng đông đảo này tham gia bảo vệ, phát triển rừng và hưởng lợi từ rừng.

Thực tế nhiều phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã, huyện chưa đề cập đến việc giao quyền quản lý sử dụng đất rừng cho người dân, cộng đồng hoặc phương án đó không còn phù hợp nữa với điều kiện thực tế hiện tại của địa phương. Trong trường hợp đó, xã và huyện cần có sự bổ sung, điều chỉnh thích hợp để phương án quy hoạch thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội, quản lý rừng trên địa bàn cũng như tiến trình giao.

2.3 Giao đất rừng phải được tiến hành có sự tham gia của người dân, cộng đồng

Giao đất rừng là một nhiệm vụ mang tính xã hội sâu sắc. Do đó, chỉ thiết kế từ bên ngoài mang tính chủ quan của cán bộ quản lý và kỹ thuật sẽ kém thích ứng với điều kiện của người dân, cộng đồng, kém hiệu quả và không bền vững. Vì vậy, giao đất rừng cần tiến hành theo cách tiếp cận có sự tham gia trực tiếp của người dân, thôn buôn trong suốt tiến trình từ chuẩn bị cho đến khi tổ chức giao trên thực địa.

Tiếp cận có sự tham gia nhằm đạt được các yêu cầu sau:

- *Người dân tự nguyện, tự giác:* Giao đất rừng cần xem xét nhu cầu và nguyện vọng của người dân, cần đạt được sự cam kết của cộng đồng trong quản lý tài nguyên rừng.
- *Phát huy truyền thống quản lý của cộng đồng và kiến thức bản địa:* Giao đất rừng thu hút sự tham gia của người dân nhằm phát huy tốt các mặt tích cực của truyền thống và các kiến thức quản lý tài nguyên thiên nhiên của các cộng đồng dân tộc thiểu số. Thông qua nó nâng cao năng lực quản lý, tổ chức của cộng đồng.
- *Bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong quy mô, vị trí, hình thức giao:* Đất rừng được giao có sự thống nhất cao trong cộng đồng, không gây nên mâu thuẫn, bảo

đảm tính công bằng và hợp lý về quy mô diện tích, loại rừng, trạng thái rừng, vị trí giao cho các đối tượng nhận như hộ, nhóm hộ, dòng họ, thôn buôn.

- *Có tính khả thi*: Năng lực cộng đồng trong quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng được đánh giá, bảo đảm các đối tượng nhận có sự cam kết rõ ràng cũng như có đầy đủ khả năng tổ chức quản lý sử dụng tài nguyên rừng được giao.

- *Đạt hiệu quả và bền vững*: Giao đất rừng phải có ý nghĩa trong góp phần phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường, lưu vực nơi cộng đồng sinh sống và được ổn định lâu dài.

Do đó trong suốt quá trình thực hiện, tiếp cận có sự tham gia đóng vai trò rất quan trọng, giúp cho việc bảo đảm các yêu cầu trên, đồng thời làm cho công tác này trở thành một hoạt động có tính xã hội cao, thu hút được sự quan tâm của người dân và cộng đồng trong quản lý tài nguyên rừng vì sự phát triển của chính họ và xã hội, thực hiện được chủ trương phát huy dân chủ cơ sở và chiến lược phát triển lâm nghiệp xã hội.

PHẦN III: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

Phần này trình bày và hướng dẫn tuần tự theo từng bước công tác giao đất rừng có sự tham gia của người dân. Các công cụ PRA phối hợp với điều tra đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia được áp dụng để lập phương án giao.

Các bước tiến hành cũng như phương pháp tiếp cận, kỹ thuật chính được minh họa trong sơ đồ sau.



Bước 1: Chuẩn bị và thống nhất kế hoạch giao

Kết quả bước 1 cần đạt được là:

- Thống nhất về tổ chức ở cấp huyện, xã để chỉ đạo tiến trình
- Dự kiến quy mô, vị trí giao trên cơ sở xem xét quy hoạch sử dụng đất cấp xã, huyện và khu vực quản lý rừng truyền thống của cộng đồng.
- Có kế hoạch cụ thể để bảo đảm sự tham gia của các ban ngành, địa phương liên quan
- Có được số liệu thứ cấp về thông tin cơ bản về kinh tế, xã hội, tài nguyên của khu vực dự kiến giao

- **Thành lập ban chỉ đạo và tổ công tác giao đất rừng**

Ban chỉ đạo giao đất rừng được thành lập ở cấp huyện. Thành phần gồm có:

- Chủ tịch hoặc phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm trưởng ban
- Trưởng hoặc phó phòng Nông nghiệp và Địa chính
- Trưởng hoặc phó Hạt Kiểm lâm
- Chủ tịch hoặc phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã liên quan
- Giám đốc lâm trường (quản lý đất rừng sẽ được giao)

Ban chỉ đạo cấp huyện thành lập tổ công tác. Thành phần của tổ công tác bao gồm những người trực tiếp thực hiện các công việc liên quan đến giao đất giao rừng tại thực địa, viết và trình duyệt phương án. Định kỳ, tổ công tác báo cáo tiến độ thực hiện với ban chỉ đạo.

Các thành viên trong tổ công tác cần phải qua các lớp tập huấn về kỹ thuật, nội dung và trình tự các bước tiến hành, các phương pháp tiếp cận có sự tham gia để có thể thu thập, phân tích các thông tin cần thiết trong tiến trình giao đất giao rừng.

- **Dự kiến quy mô, vị trí giao trên cơ sở xem xét quy hoạch sử dụng đất cấp xã, huyện và khu vực quản lý rừng truyền thống của cộng đồng**

Như đã trình bày trong phần nguyên tắc, giao đất rừng cần căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất cấp xã, huyện và cần tham khảo xem xét ranh giới, khu vực quản lý rừng truyền thống của các cộng đồng đang sống phụ thuộc vào rừng.

Ban chỉ đạo cùng tổ công tác thực hiện các công việc sau:

- Xem xét định hướng giao đất rừng trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất cấp xã, quy hoạch 03 loại rừng, quy hoạch lâm trường, công ty lâm nghiệp,... cùng với các khu vực quản lý rừng truyền thống của các cộng đồng dân tộc trong vùng. Nếu huyện, xã chưa có quy hoạch vùng giao đất rừng thì cần có thảo luận và chỉ đạo bổ sung để xác định vùng giao.
- Dự kiến quy mô, vị trí, đối tượng giao đất rừng trong địa bàn huyện, xã, thôn buôn.

Việc ưu tiên lựa chọn đối tượng, địa điểm và diện tích giao cần căn cứ vào một số tiêu chí như:

- Ưu tiên cho dân tộc thiểu số tại chỗ
- Cộng đồng đang sống phụ thuộc vào rừng, đất rừng để canh tác nương rẫy, thu hái lâm sản
- Trong khu vực thôn buôn có rừng và đất rừng
- Có nhu cầu phát triển phương thức quản lý rừng dựa vào cộng đồng để có thể quản lý rừng tốt hơn cũng như góp phần phát triển đời sống của cộng đồng được nhận rừng.

- **Lập kế hoạch tổ chức giao đất rừng với các bên liên quan**

Tổ công tác cùng với các bên liên quan từ huyện đến xã thống nhất sự hợp tác, phân công trách nhiệm, dự kiến công việc để lập kế hoạch chi tiết cho toàn bộ tiến trình.

Kế hoạch thực hiện giao đất rừng

Stt	Mô tả công việc	Địa điểm	Thời gian		Trách nhiệm	Kết quả mong đợi
			Bắt đầu	Kết thúc		

Bảng kế hoạch được giao cho các bên liên quan để thuận tiện trong quá trình thực hiện và theo dõi giám sát.

•Thu thập tài liệu thứ cấp

Để tiến hành xây dựng phương án giao đất rừng, trước tiên cần thu thập và tham khảo các tài liệu có sẵn, bao gồm:

- Các văn bản pháp lý có liên quan
- Các tài liệu quy hoạch, kế hoạch ngành có liên quan (lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi, định canh định cư, các chương trình phát triển kinh tế xã hội, ...)
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện, xã
- Phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã (nếu có)
- Các phương án điều chế rừng, đổi mới lâm trường theo 187 nằm trong khu vực giao
- Các tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã, thôn buôn
- Các số liệu kiểm kê rừng ở địa phương
- Các số liệu về khí tượng thủy văn
- Các tài liệu về tình hình quản lý và sử dụng đất đai
- Các loại bản đồ:
 - o Bản đồ địa hình
 - o Bản đồ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện, xã
 - o Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai của huyện, xã
 - o Bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng
 - o Bản đồ hiện trạng rừng giải đoán từ ảnh hàng không, vệ tinh (nếu có)

Bước 2: Thống nhất triển khai giao đất rừng ở thôn buôn - Họp dân lần 1

Kết quả bước 2 cần đạt được là:

- Chủ trương chính sách giao đất rừng được thông báo và giải thích rõ ràng đến người dân, đặc biệt là quyền lợi và nghĩa vụ của người nhận đất rừng.
- Cộng đồng xác định nhu cầu và cam kết tham gia nhận đất rừng để quản lý bảo vệ và tổ chức kinh doanh lâu dài.
- Thống nhất kế hoạch triển khai với cộng đồng và lựa chọn nông dân nòng cốt tham gia đánh giá nông thôn và xây dựng kế hoạch giao đất rừng

Cuộc họp đầu tiên rất quan trọng vì nó liên quan đến các vấn đề như xác định nhu cầu và nguyện vọng của cộng đồng trong nhận đất nhận rừng trên cơ sở được giải thích rõ ràng các quyền lợi và nghĩa vụ trong nhận đất rừng; đồng thời thống nhất kế hoạch làm

việc trong thôn buôn để đánh giá nông thôn và tiến hành các bước lập phương án có sự tham gia.

- Thành phần tham gia: Tổ công tác, đại diện UBND xã, bí thư xã, ban tự quản thôn buôn, già làng, đại diện các hộ gia đình trong thôn buôn. Cuộc họp chỉ có thể có kết quả tốt khi đạt được yêu cầu có mặt đại diện của ít nhất 2/3 số hộ, trong đó tỷ lệ nữ đạt 30% trở lên.
- Địa điểm, thời gian: Tại thôn dự kiến giao, thời gian 1 buổi.
- Cách tổ chức, thúc đẩy cuộc họp:
 - Bàn bạc, thỏa luận trước với lãnh đạo thôn buôn về địa điểm, thời gian, nội dung, thành phần tham gia và người chủ trì cuộc họp.
 - Nội dung cuộc họp được trình bày trên giấy khổ lớn (A0) thật ngắn gọn, dễ hiểu. Có thể sử dụng các hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu ... để người dân tham khảo trước và trong khi họp.
 - Trong nhiều trường hợp, cần có một người phiên dịch tiếng địa phương để thuận tiện cho việc trao đổi thông tin.
 - Tổ công tác cần có kỹ năng thúc đẩy để mọi người tích cực tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến.
- Nội dung và kết quả cuộc họp dân lần 1:
 - Thông báo, giải thích rõ ràng các chính sách giao đất rừng, đặc biệt là nghị định 163 và quyết định 178.
 - Thảo luận và thống nhất nhu cầu nhận đất rừng trong cộng đồng
 - Thông báo và thống nhất kế hoạch làm việc ở thôn buôn
 - Lựa chọn nông dân nòng cốt tham gia vào tiến trình đánh giá nông thôn theo kế hoạch. Nông dân nòng cốt được lựa chọn phải bao gồm: Đại diện ban tự quản thôn buôn, già làng, đại diện nam nữ, già trẻ, những người có uy tín và am hiểu về tình hình đất đai, quản lý của cộng đồng. Trung bình ở mỗi thôn buôn nên chọn từ 10 -12 nông dân nòng cốt để cùng làm việc với tổ công tác, từ đó phân chia ra 2 -3 nhóm làm việc.
 - Biên bản cuộc họp cần được ghi lại cẩn thận, đọc lại ở cuối buổi họp và ký xác nhận của cán bộ địa phương

Bước 3: Đánh giá nông thôn có sự tham gia theo chủ đề quản lý tài nguyên rừng

Kết quả chính trong bước 3 cần đạt được là:

- Các thông tin toàn diện về kinh tế, xã hội, tài nguyên thiên nhiên, tổ chức cộng đồng được thu thập, phân tích có sự tham gia của người dân, theo chủ đề quản lý tài nguyên rừng
- Xác định phương thức giao đất rừng: Theo hộ hay nhóm hộ hay cộng đồng thôn buôn?
- Lập được sơ đồ giao đất rừng theo hộ hay nhóm hộ hay cộng đồng
- Lập được sơ đồ định hướng quy hoạch sử dụng đất rừng được giao

Trong bước này chủ yếu áp dụng một cách hệ thống các công cụ PRA.

Thành phần tham gia: Bao gồm tổ công tác và những nông dân nông cốt được phân chia thành các nhóm làm việc, mỗi nhóm từ 3-5 người.

Thời gian, địa điểm: Được tiến hành trong thôn buôn và trong rừng. Thời gian thực hiện các công cụ PRA cho một thôn buôn khoảng 2-3 ngày.

Nội dung và cách tiến hành: Phân công các nhóm áp dụng một cách có hệ thống các công cụ PRA theo chủ đề “*Quản lý và sử dụng tài nguyên rừng và đất rừng*” trong thôn buôn. Bao gồm các thông tin cần thu thập với sự hỗ trợ của các công cụ PRA sau:

- *Thông tin kinh tế, xã hội:* Các công cụ PRA sau được áp dụng:

- **Công cụ 1 - Lược sử thôn buôn:** Lược sử phát triển thôn buôn và sự thay đổi trong quản lý sử dụng tài nguyên được phát hiện làm cơ sở phát huy truyền thống quản lý tài nguyên của cộng đồng

- **Công cụ 2 - Phân loại kinh tế hộ:** Đánh giá và phân loại hiện trạng kinh tế hộ, mức độ phụ thuộc vào tài nguyên rừng làm cơ sở cho việc phân chia đất rừng phù hợp với điều kiện kinh tế và năng lực của từng loại hộ gia đình

- *Thông tin về tài nguyên rừng và đất rừng:* Các công cụ PRA sau được áp dụng:

- **Công cụ 3 - Biểu đồ thay đổi sử dụng đất, rừng theo thời gian:** Phát hiện thay đổi sử dụng đất rừng trong quá khứ và những vấn đề cần xem xét để quản lý trong tương lai.

- **Công cụ 4 - Phân loại rừng dựa vào cộng đồng:** Xác định các loại rừng, trạng thái hiện tại dựa vào kinh nghiệm, kiến thức bản địa và phát hiện các tiêu chí phân loại rừng của cộng đồng. Giúp cho việc đặt tên loại rừng, trạng thái và phân loại dễ hiểu và áp dụng được trong cộng đồng; đồng thời so sánh nó với hệ thống phân loại rừng về mặt kỹ thuật để sắp xếp đồng nhất phục vụ quản lý, kinh doanh rừng sau khi giao phù hợp với cả hai bên: cộng đồng và cơ quan quản lý lâm nghiệp nhà nước.

- **Công cụ 5 - Vẽ sơ đồ hiện trạng đất, rừng:** Thể hiện sự phân bố các loại đất, trạng thái rừng; xác định các tiềm năng, những hạn chế và các đề xuất trong quản lý sử dụng tài nguyên rừng.

- **Công cụ 6 - Lát cắt:** Thể hiện phân bố các loại đất đai, rừng theo địa hình; đây là một công cụ bổ sung cho sơ đồ hiện trạng sử dụng đất nhằm đánh giá được tiềm năng, những hạn chế và đề xuất giải pháp quản lý, kinh doanh rừng, đất rừng

- **Công cụ 7 - Ma trận về tiềm năng lâm sản ngoài gỗ:** Lâm sản ngoài gỗ là một nguồn thu tiềm năng của người nhận rừng, đặc biệt là đối với cộng đồng dân tộc thiểu số – những người sống phụ thuộc khá nhiều vào các sản phẩm đa dạng từ rừng để lấy lương thực, làm công cụ sản xuất, làm nhà, làm thuốc, ... vì vậy đánh giá tiềm năng lâm sản ngoài gỗ là cơ sở quan trọng để xem xét việc giao rừng đáp ứng được nhu cầu cộng đồng.

- *Thông tin về tổ chức, quản lý, quy hoạch:* Các công cụ PRA sau được áp dụng:

- **Công cụ 8 - Sơ đồ Venn về tổ chức:** Nhằm đánh giá hiện trạng tổ chức quản lý tài nguyên của thôn buôn, làm cơ sở phát triển các tổ chức trong thôn buôn phục vụ quản lý rừng và thành lập ban quản lý rừng cộng đồng

- **Công cụ 9 - Phiếu thăm dò phương thức giao đất rừng cho hộ hay nhóm hộ (đòng họ) hay cộng đồng:** Việc giao đất rừng theo đối tượng nào cần xuất phát từ tình hình thực tế của từng thôn buôn đó. Công cụ này sẽ hỗ trợ cho việc phát

hiện nhu cầu và làm cơ sở tổ chức giao phù hợp. Cần xem xét các khía cạnh sau đây để lựa chọn phương thức giao thích hợp:

- Đối với vùng kinh tế hộ khá phát triển, thường có nhu cầu nhận đất nhận rừng theo từng hộ để tổ chức đầu tư kinh doanh. Ngược lại đối với vùng kém phát triển thì xu hướng nên giao cho nhóm hộ hoặc cộng đồng để hợp tác lao động, quản lý và tổ chức kinh doanh.
- Đối với vùng bị áp lực nhiều về khai thác lâm sản trái phép thì giải pháp giao cho nhóm hộ hoặc cộng đồng sẽ tạo ra sức mạnh trong bảo vệ rừng hơn là giao cho hộ riêng lẻ.
- Đối với vùng còn rừng nhưng trạng thái rừng có sự rất khác nhau từ đất trống đến rừng non, nghèo, giàu thì việc giao cho từng hộ sẽ tạo nên sự mất công bằng, có hộ nhận rừng non lại có hộ có rừng giàu nhanh cho thu nhập. Vì vậy thương thảo để tạo ra các nhóm nhận đất rừng sẽ cân đối được mức độ giàu nghèo của rừng khi phân bổ cho các nhóm hộ, tạo nên sự công bằng
- Đối với thôn buôn còn duy trì tốt truyền thống quản lý rừng chung, rừng cộng đồng, quản lý đất đai theo dòng họ thì nên khuyến khích nhận đất nhận rừng theo nhóm hộ (dòng họ) hoặc cộng đồng để phát huy sức mạnh luật tục trong quản lý tài nguyên, đồng thời tạo nên khả năng tổ chức sản xuất lâm nghiệp ở quy mô cộng đồng, có thể tổ chức rừng khép kín trong kinh doanh, tránh chia rừng manh mún.

Khi thúc đẩy để xác định phương thức giao đất rừng cần giải thích, phân tích đầy đủ như trên với cộng đồng; trên cơ sở đó từng hộ, nhóm hộ, cộng đồng sẽ có quyết định phù hợp với điều kiện của chính họ.

- Công cụ 10 - Vẽ sơ đồ giao đất rừng theo hộ, nhóm hộ, cộng đồng: Công cụ này nhằm để người dân tự thương thảo và quyết định vị trí nhận đất nhận rừng cho từng hộ hoặc nhóm hộ. Không nên thiết kế sẵn các lô rừng trên bản đồ và phân bổ một cách chủ quan cho các hộ, nhóm hộ; vì trong thực tế yêu cầu nhận đất nhận rừng của hộ, nhóm hộ thường gắn với vùng canh tác nương rẫy của họ, đồng thời cũng có những vùng đã được quản lý đất đai theo truyền thống của từng dòng họ; nên việc cộng đồng tự quyết định vị trí, cách phân bổ khu vực giao đến từng đối tượng là giải pháp thích hợp và bền vững.

- Công cụ 11 - Vẽ sơ đồ quy hoạch sử dụng đất rừng: Trên cơ sở sơ đồ hiện trạng đất rừng đã có, thúc đẩy cộng đồng thảo luận và xác định giải pháp tổ chức quản lý kinh doanh cho từng đối tượng đất đai, rừng. Đây là công cụ nhằm phát huy kiến thức sinh thái địa phương của người dân bản địa trong quản lý và kinh doanh rừng, đồng thời nó cũng làm cho giải pháp kỹ thuật lâm nghiệp phù hợp với năng lực, khả năng của người dân. Trong thảo luận quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia, quy phạm lâm sinh cũng cần được giới thiệu để định hướng, còn giải pháp cụ thể, quy mô triển khai nên được xác định và quyết định bởi người dân. Ví dụ: Rừng nghèo cần phải làm giàu (theo quy phạm), từ đó người dân quyết định lựa chọn cây bản địa thích hợp với nhu cầu, thị trường và quy mô, mật độ..... thực hiện dựa vào khả năng của kinh tế hộ và sự hỗ trợ của các chương trình phát triển lâm nghiệp của nhà nước.

Bước 4: Điều tra quy hoạch rừng có sự tham gia của người dân

Kết quả chính trong bước 4 cần đạt được là:

- Bản đồ hiện trạng và giao đất rừng, tỷ lệ 1/10.000
- Bản đồ giao đất rừng cho hộ, nhóm hộ
- Ước lượng các chỉ tiêu lâm học cho từng trạng thái rừng: Loài cây chủ yếu, mật độ, đường kính bình quân.
- Lập bản đồ quy hoạch và kế hoạch đơn giản sản xuất nông lâm nghiệp trên đất rừng được giao

Trong bước này chủ yếu áp dụng các phương pháp điều tra, đo đạc, quy hoạch rừng đơn giản trên hiện trường và kết hợp với sự tham gia của người dân.

Thành phần tham gia: Bao gồm tổ công tác (gồm cán bộ kỹ thuật lâm nghiệp) và những nông dân nông cốt được phân chia thành các nhóm làm việc, mỗi nhóm từ 4-5 người.

Thời gian, địa điểm: Được thực hiện trong rừng, trên đất rừng. Thời gian thực hiện các công cụ khoảng 5-7 ngày.

Nội dung và cách tiến hành: Phân công các nhóm thực hiện các công cụ kỹ thuật để điều tra trạng thái rừng, thống kê diện tích, khoanh vẽ ranh giới giao cho từng đối tượng, các đặc điểm lâm học của rừng được giao, bao gồm:

- **Công cụ 12 - Khoanh vẽ và đo đếm diện tích trạng thái rừng:** Các kiểu rừng, trạng thái rừng được điều tra khoanh vẽ để lập bản đồ hiện trạng rừng khu vực giao đất lâm nghiệp và thống kê diện tích. Nó là cơ sở để lập các bản đồ giao đất rừng cho từng hộ, nhóm hộ, cộng đồng; trong đó thể hiện đầy đủ trạng thái rừng tại thời điểm giao để quản lý. Công cụ này cần kết hợp với kết quả của công cụ 4 - Phân loại rừng dựa vào cộng đồng, để gọi tên trạng thái, kiểu rừng theo 2 cách: Theo kỹ thuật và theo người dân. Kết quả bước này là một bản đồ trạng thái rừng khu vực giao và diện tích các trạng thái rừng trong khu giao

- **Công cụ 13 - Khoanh vẽ ranh giới và đo đếm diện tích giao đất rừng cho hộ, nhóm hộ hay cộng đồng:** Trên cơ sở kết quả công cụ 10 - Vẽ sơ đồ giao đất rừng theo hộ, nhóm hộ, cộng đồng và bản đồ hiện trạng rừng - tiến hành kiểm tra, đo đạc, khoanh vẽ trên thực địa để có được bản đồ giao đất rừng đến hộ hay nhóm hộ, cộng đồng. Kết quả bước này là bản đồ giao đất rừng chung thể hiện ranh giới phân chia đất rừng đến đối tượng giao và các mảnh bản đồ cho từng hộ, nhóm hộ, cộng đồng. Trên các bản đồ này cũng cần thể hiện đầy đủ các trạng thái rừng, diện tích; đây là cơ sở để đưa bản đồ vào trong sổ đỏ có thể hiện đầy đủ trạng thái rừng (sổ đỏ trước đây trong giao đất rừng chưa thể hiện các trạng thái rừng khi giao cho hộ, nhóm hộ, cộng đồng), từ đây làm cơ sở giám sát tài nguyên được giao cũng như để áp dụng quyết định 178 khi phân chia lợi ích cụ thể với từng trạng thái rừng.

- **Công cụ 14 - Ước lượng các chỉ tiêu lâm học cho từng trạng thái rừng:** Công cụ này phục vụ cho việc xác định đặc điểm lâm học của từng trạng thái rừng khi giao, làm cơ sở giám sát quản lý tài nguyên và phân chia lợi ích cho người nhận rừng. Mỗi trạng thái rừng cần thống kê tên loài cây chủ yếu (tên kinh và tên dân tộc), mật độ, đường kính bình quân. Tổng hợp theo từng trạng thái rừng giao cho nhóm hộ, thôn buôn

- **Công cụ 15 - Lập bản đồ quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất rừng:** Xây dựng được bản đồ quy hoạch và lập kế hoạch đơn giản tổ chức kinh doanh đất rừng được giao

Bước 5: Thống nhất các điểm cơ bản về giao đất rừng với cộng đồng - Họp dân lần 2

Kết quả bước 5 cần đạt được là:

- Toàn bộ thông tin, kết quả trong bước 3 và 4 bao gồm các đánh giá tình hình quản lý tài nguyên, phương thức giao và quản lý đất rừng được thông báo đến tất cả các hộ gia đình và được thảo luận rộng rãi để chỉnh sửa và đạt được sự thống nhất trong cộng đồng
- Thống nhất đăng ký nhận đất nhận rừng
- Thống nhất hình thành tổ chức cộng đồng, quy ước để quản lý tài nguyên rừng được giao

Để đạt được kết quả này, một cuộc họp toàn thôn buôn lần 2 được tiến hành. Đây là cuộc họp quan trọng để cộng đồng có quyết định và thống nhất giải pháp giao đất rừng.

- Thành phần tham gia: Như cuộc họp dân lần 1.
- Địa điểm, thời gian: Tại thôn sẽ được giao đất rừng, thời gian 1 ngày
- Cách tổ chức, thúc đẩy cuộc họp:
 - Bàn bạc, thỏa luận trước với lãnh đạo thôn (buôn) về địa điểm, thời gian, nội dung, thành phần tham gia và người chủ trì cuộc họp.
 - Toàn bộ các kết quả ở bước 3 và 4 (PRA và điều tra quy hoạch rừng có sự tham gia) được tóm tắt trên giấy A0 theo từng nội dung.
 - Cán bộ trong tổ công tác hướng dẫn cho nông dân nông cốt cách trình bày kết quả
 - Tổ công tác cần chuẩn bị chương trình, sắp xếp logic các nội dung trình bày thảo luận và cần có kỹ năng thúc đẩy để mọi người tích cực tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến
- Nội dung và kết quả cuộc họp dân lần 2:
 - Thúc đẩy để nông dân nông cốt trình bày từng nhóm kết quả và thảo luận chung trong cộng đồng để lấy ý kiến. Các nội dung quan trọng sau cần được làm rõ và đạt được sự thống nhất trong thôn buôn:
 - Các thông tin về kinh tế xã hội, quản lý tài nguyên, tổ chức của thôn buôn từ kết quả PRA được báo cáo và lấy ý kiến chỉnh sửa, bổ sung
 - Thống nhất phương thức giao. Nếu giao cho nhóm hộ thờ dùng công cụ card màu để sắp xếp hộ theo nhóm và xác định các tiêu chí phân chia nhóm với cộng đồng.
 - Thống nhất lại sơ đồ vị trí giao đất theo hộ, nhóm hộ, cộng đồng.
 - Thống nhất quy hoạch và kế hoạch quản lý sử dụng đất rừng được giao
 - Sau khi thống nhất các điểm cơ bản trong giao đất rừng, phổ biến mẫu đơn xin nhận đất rừng và thông báo cho hộ, nhóm hộ, cộng đồng làm đơn theo hướng dẫn số 1.

- Thảo luận về phương án tổ chức quản lý rừng trong cộng đồng: Từ kết quả sơ đồ Venn về tổ chức, thảo luận để hình thành ban quản lý rừng thôn buôn, quy ước quản lý bảo vệ rừng.
- Tất cả kết quả cuộc họp, các ý kiến phản hồi cần được ghi nhận để chỉnh sửa và ghi thành biên bản cuộc họp được đại diện xã, thôn và nhóm công tác ký tên.

Bước 6: Hoàn chỉnh hồ sơ và phương án giao đất rừng

Kết quả bước 6 cần đạt được là:

- *Phương án giao đất rừng được hoàn thành*
- *Các bản đồ liên quan: Bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ giao đất giao rừng chung và cho hộ hoặc nhóm hộ, bản đồ quy hoạch sử dụng đất rừng*
- *Xây dựng khế ước giao đất rừng*

Nhóm công tác tư vấn và hỗ trợ cộng đồng xây dựng các tài liệu thành quả giao đất rừng để trình duyệt. Bao gồm các tài liệu, hồ sơ, bản đồ như sau:

1. *Phương án giao đất rừng*: Trình bày, luận cứ về lí do, mục tiêu, quy mô, phương thức, hiệu quả của giao đất rừng ở địa phương. Kết quả ở các bước 3, 4 và 5 được tổng hợp để viết phương án. (Xem hướng dẫn 2: Đề cương phương án giao đất rừng)
2. *Các loại bản đồ*: Bao gồm các loại bản đồ cần được hoàn thành. Dựa vào kết quả của bước 4 với các công cụ 12, 13 và 15, hoàn chỉnh được các loại bản đồ thành quả sau:
 - Bản đồ hiện trạng và giao đất rừng 1:10.000
 - Các mảnh bản đồ giao đất rừng cho hộ hoặc nhóm hộ.
 - Bản đồ quy hoạch sử dụng đất rừng tỷ lệ 1:10.000
3. *Khế ước*: Xây dựng khế ước giao đất rừng theo hướng dẫn 3. Khế ước cần xây dựng với sự tham gia của cộng đồng và tiến hành ở tại thôn buôn

Bước 7: Thẩm định phương án giao đất rừng

Kết quả bước 7 cần đạt được là:

- *Phương án giao đất rừng được thẩm định*
- *Phương án và các tài liệu liên quan được chỉnh sửa, hoàn thiện để trình duyệt*

Tổ chức họp, hội thảo cấp huyện để thông qua phương án và trình duyệt.

Các bên tham gia: Đại diện các nhóm hộ, thôn buôn, địa chính các cấp, lâm trường có liên quan đến đất rừng được giao, đại diện ngành nông nghiệp phát triển nông thôn các cấp, lãnh đạo xã, huyện, Sở KH-CN, Sở Tài nguyên môi trường, Kiểm lâm các cấp, khuyến nông lâm huyện; tài chính, kế hoạch đầu tư các cấp.

Chuẩn bị: Tổ công tác chuẩn bị tất cả tài liệu liên quan đến kết quả giao đất rừng ở bước 6 và gửi tóm tắt phương án đến tất cả các bên tham gia trước khi họp một tuần.

Nguyên tắc thẩm định giao đất giao rừng:

- Có sự tham gia của đối tượng nhận rừng, rằng họ đồng ý và nhận thức đúng về GDGR.
- Tuân theo các thủ tục pháp lý và chính sách giao đất giao rừng của chính phủ và địa phương
- Trước khi họp thẩm định, có đánh giá tại hiện trường để lấy ý kiến của người dân nhận đất rừng.

Nội dung thẩm định:

- Hội đồng nghe báo cáo của tổ công tác và thẩm định phương án, tài liệu cũng như kết quả đánh giá trên hiện trường
- Đánh giá phương án có đạt các nguyên tắc trong giao đất rừng: Tuân theo pháp lý, phù hợp với quy hoạch và truyền thống, có sự tham gia và quyết định của người dân
- Bảo đảm đạt được yêu cầu:
 - o Công bằng trong khi giao về quy mô, vị trí cho các đối tượng,
 - o Phương thức giao phù hợp với điều kiện địa phương
 - o Phương án có tính khả thi, hiệu quả và bền vững.
- Hội đồng thẩm định lập biên bản họp thẩm định và nêu rõ điểm cần được chỉnh sửa, bổ sung cho hoàn chỉnh để trình duyệt.

Trình duyệt: Sau khi thẩm định, tổ công tác cần hoàn chỉnh các hồ sơ sau để trình UBND (huyện, tỉnh) phê duyệt:

- Báo cáo phương án giao đất rừng kèm theo bản đồ hiện trạng, bản đồ giao đất rừng.
- Biên bản họp thẩm định
- Tờ trình xin phê duyệt phương án

Sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ra quyết định phê duyệt phương án giao đất rừng.

Trường hợp diện tích rừng trước khi giao thuộc quyền quản lý của một đơn vị khác như lâm trường, cần phải làm thủ tục thu hồi đất của đơn vị đó và chuyển giao cho địa phương. Tổ công tác gửi hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục thu hồi và chuyển giao bao gồm:

- Báo cáo phương án giao đất rừng kèm theo bản đồ hiện trạng, bản đồ giao đất rừng
- Biên bản thẩm định
- Tờ trình của đơn vị đang quản lý đất rừng đề nghị giao lại cho địa phương.
- Tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện đồng ý tiếp nhận đất của đơn vị để giao cho người dân theo phương án.

Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ lập thủ tục thu hồi, bàn giao và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định về việc thu hồi đất của đơn vị và giao cho địa phương.

Bước 8: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng và bàn giao tại hiện trường

Kết quả bước 8 cần đạt được là:

- Các thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng được hoàn thành
- UBND huyện có quyết định giao đất rừng
- Tiến hành cấp Sổ đỏ và bàn giao tại hiện trường với người dân

Nội dung bước này được tiến hành bởi cơ quan địa chính và UBND huyện, xã bao gồm:

- Tổ chức cho hộ, nhóm hộ, cộng đồng làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất rừng theo hướng dẫn 4.
- Tổ chức phân chia đất rừng tại hiện trường: Tổ công tác chuẩn bị các bảng tên lô, tên chủ rừng và cùng với cán bộ địa chính, người nhận rừng kiểm tra để gắn vào các lô rừng và bàn giao trên thực địa.
- Địa chính hoàn thành hồ sơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng. Lưu ý ở trích lục bản đồ của sổ đỏ cần thể hiện rõ từng trạng thái rừng được giao để làm cơ sở giám sát và phân chia lợi ích theo quyết định 178
- Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định giao đất rừng cho đối tượng sử dụng đất theo hướng dẫn 5. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng cho từng đối tượng nhận.

Một số quy định về hồ sơ giao đất rừng:

- Các bản đồ trong hồ sơ giao đất rừng được trích từ bản đồ quy hoạch đất rừng. Trên các bản đồ trích lục kèm theo với sổ đỏ phải thể hiện rõ diện tích, ranh giới các trạng thái rừng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng (Sổ đỏ):

- Trường hợp giao đất rừng theo nhóm hộ: Mỗi sổ đỏ ghi tên tất cả các thành viên trong nhóm và được làm nhiều bản, giao cho mỗi thành viên trong nhóm một bản.
- Trường hợp giao đất rừng theo thôn (buôn): Mỗi thôn (buôn) chỉ làm một sổ, ghi tên của thôn (buôn).

Bước 9: Giám sát và đánh giá định kỳ

Kết quả bước 9 cần đạt được là:

- Tiến trình quản lý và sử dụng sau giao đất rừng của người dân được các cơ quan chức năng hỗ trợ và giám sát thường xuyên
- Các bài học kinh nghiệm về giao đất rừng, kinh doanh rừng bởi người dân được tổng kết, đánh giá định kỳ phục vụ cho việc triển khai mở rộng và cải tiến chính sách

Kết thúc bước 8, rừng và đất rừng đã được giao và cấp quyền sử dụng cho các đối tượng nhận rừng. Trong thực tế, phương thức quản lý và kinh doanh rừng được tiến hành bởi người dân là một hoạt động khá mới mẻ, do đó cần có sự hỗ trợ về kỹ thuật cũng như giám sát của các cơ quan chức năng các cấp. Đồng thời để tiến trình giao đất giao rừng có kết quả tốt hơn, cần có những đánh giá từ thực tiễn để điều chỉnh, đề xuất về chính sách công nhận quyền sử dụng đất rừng cho các đối tượng khác nhau như hộ, nhóm hộ, cộng đồng; chính sách phân chia lợi ích từ rừng cho người quản lý rừng cũng

như các thủ tục hành chính lâm nghiệp trong đầu tư, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm từ rừng.

Giám sát và hỗ trợ người dân trong quản lý kinh doanh rừng sau khi giao

Công tác giám sát cần được tiến hành thường xuyên theo chức năng nhiệm vụ của các ban ngành ở cấp xã, huyện.

Thành phần tham gia: Bao gồm UBND xã, ban quản lý rừng cộng đồng, ban lâm nghiệp xã, hạt kiểm lâm huyện, phòng nông nghiệp địa chính và khuyến nông huyện. Trong đó UBND xã chủ trì

Nội dung và cách tiến hành: Các bên liên quan tiến hành các nội dung giám sát, hỗ trợ sau đây trên hiện trường cùng với các đối tượng nhận đất rừng:

- Vấn đề quản lý bảo vệ rừng sau khi giao, hỗ trợ người dân về pháp lý trong quá trình xử lý vi phạm, thực hiện luật bảo vệ và phát triển rừng
- Tổ chức kinh doanh rừng và đất rừng có đúng mục tiêu hay không, hỗ trợ về kỹ thuật, công nghệ và lồng ghép các chương trình phát triển nông thôn trong phát triển rừng.

Định kỳ hàng quý, cần có báo cáo cho UBND xã, huyện về tình hình sau giao đất rừng; trường hợp đột xuất cần có báo cáo và đề xuất phương án xử lý.

Đánh giá hiệu quả của giao đất rừng cho người dân

Tiến trình giao đất rừng được thực hiện lâu dài theo định hướng tiến hành lâm nghiệp xã hội, thu hút sự tham gia, nguồn lực từ nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng, góp phần ổn định sản xuất và phát triển bền vững ở nông thôn. Do đó cần có những đánh giá từ thực tiễn đã triển khai làm cơ sở cho phát triển chính sách, cho các chương trình quy hoạch sử dụng đất và phát triển nông thôn.

Định kỳ đánh giá: Trong giai đoạn hiện nay cần có đánh giá hàng năm về công tác này để rút ra bài học kinh nghiệm cũng như có những giải pháp thích hợp để điều chỉnh tiến trình

Thành phần đánh giá: Người nhận đất rừng và các ban ngành liên quan ở các cấp xã, huyện và tỉnh.

Phương pháp đánh giá: Việc đánh giá cần được tiến hành theo phương pháp có sự tham gia của người dân. Có các báo cáo đánh giá hàng năm gửi cho các cấp quản lý xã, huyện, tỉnh.

Nội dung cần đánh giá:

- Tính phù hợp của phương thức giao đất rừng? (Theo hộ, nhóm hộ hay cộng đồng)
- Năng lực và trách nhiệm của đối tượng nhận rừng và mức độ phát huy truyền thống quản lý tài nguyên của cộng đồng?
- Tính hiệu quả của giao đất rừng cho người dân, bao gồm các khía cạnh:
 - o Về quản lý bảo vệ rừng trước và sau khi giao
 - o Đóng góp của rừng và đất rừng trong phát triển kinh tế hộ
 - o Kỹ thuật, công nghệ được áp dụng trong kinh doanh rừng
 - o Ổn định và phát triển cộng đồng thôn (buôn)

- Đóng góp trong bảo vệ môi trường như nâng cao chất lượng rừng, độ che phủ, bảo vệ đất, nguồn nước.
- Các vấn đề trong thực hiện chính sách giao đất rừng và phân chia lợi ích cho người nhận rừng. Các thủ tục hành chính lâm nghiệp cần cải cách, bổ sung.

PHẦN IV: HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN, KỸ THUẬT

Phần này hướng dẫn chi tiết việc áp dụng các bộ công cụ:

Các công cụ PRA:

- Công cụ 1: Lược sử thôn buôn
- Công cụ 2: Phân loại kinh tế hộ
- Công cụ 3: Biểu đồ thay đổi sử dụng đất, rừng theo thời gian
- Công cụ 4: Phân loại rừng dựa vào cộng đồng
- Công cụ 5: Vẽ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, rừng
- Công cụ 6: Lát cắt
- Công cụ 7: Ma trận về tiềm năng lâm sản ngoài gỗ
- Công cụ 8: Sơ đồ Venn về tổ chức
- Công cụ 9: Phiếu thăm dò phương thức giao đất giao rừng cho hộ hay nhóm hộ hay cộng đồng
- Công cụ 10: Vẽ sơ đồ giao đất giao rừng theo hộ, nhóm hộ, cộng đồng
- Công cụ 11: Vẽ sơ đồ quy hoạch sử dụng đất rừng

Các công cụ kỹ thuật điều tra quy hoạch rừng có sự tham gia:

- Công cụ 12: Khoanh vẽ và đo đếm diện tích trạng thái rừng
- Công cụ 13: Khoanh vẽ ranh giới và đo đếm diện tích giao đất rừng cho hộ, nhóm hộ, cộng đồng
- Công cụ 14: Ước lượng các chỉ tiêu lâm học cho từng trạng thái rừng
- Công cụ 15: Lập bản đồ quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất rừng

4.1 Các công cụ PRA trong giao đất rừng

PRA được viết tắt của 3 từ tiếng Anh: Participatory Rural Appraisal, có nghĩa là đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân. Trong trường hợp này, PRA bao gồm một loạt công cụ được sử dụng để khuyến khích người dân nông thôn cùng tham gia thảo luận và chia sẻ thực trạng cộng đồng và quản lý tài nguyên rừng để họ lập kế hoạch và thực hiện.

Trong quá trình thực hiện các công cụ PRA, người thúc đẩy cần tiến hành đối thoại phỏng vấn. Cách phỏng vấn này gọi là phỏng vấn bán cấu trúc. Có nghĩa là việc thu thập và phân tích thông tin được thực hiện dựa trên các chủ đề và mục đích đã được định hướng trước. Do vậy phỏng vấn bán cấu trúc là một nghệ thuật nhằm thúc đẩy sự tham gia thực sự và có chất lượng của người dân.

Phỏng vấn bán cấu trúc là một kỹ năng được sử dụng thường xuyên trong tiến trình PRA. Điều lưu ý hết sức quan trọng đó là kỹ năng và thái độ giao tiếp trong phỏng vấn. Cán bộ thúc đẩy phỏng vấn cần tuân theo 10 nguyên tắc chính sau:

- Chuẩn bị thành một nhóm và thống nhất về phân công làm việc trong nhóm.
- Sử dụng một biểu câu hỏi hoặc hướng dẫn phỏng vấn.
- Luôn nhạy bén và tôn trọng tất cả những người tham gia.
- Sử dụng các phương pháp trực quan hóa (bảng biểu, biểu đồ, giản đồ...) để tăng cường khả năng tham gia và đối thoại.
- Lắng nghe và học hỏi.
- Đặt ra câu hỏi mở, sử dụng sáu trợ giúp (ai? cái gì? tại sao? ở đâu? khi nào? như thế nào?).
- Xem xét các câu trả lời một cách cẩn thận.
- Thẩm định câu trả lời (thực tế, ý kiến cá nhân hay tin đồn).
- Làm rõ và kiểm tra chéo thông tin
- Ghi lại các câu trả lời và quan sát đầy đủ.

Công cụ 1: Lược sử thôn buôn

Mục đích

Đây là một trong những công cụ có tính chất phá băng để tìm hiểu chung về thôn buôn. Thông qua công cụ này, người dân tự nhìn nhận những sự kiện và ảnh hưởng của nó đến đời sống, tình hình sản xuất, sử dụng nguồn nhân lực ...trong quá khứ, từ đó có thể đề ra được những kế hoạch trong tương lai phù hợp với địa phương mình.

Trong giao đất giao rừng thường tìm các mốc sự kiện chính liên quan đến chủ đề quản lý tài nguyên để:

- Có thêm hiểu biết về lịch sử phát triển cộng đồng, những thay đổi căn bản trong đời sống vật chất và tinh thần
- Những nguyên nhân làm thay đổi vai trò cộng đồng trong quản lý tài nguyên.

Chuẩn bị

- Thành lập một nhóm nông dân từ 3 - 5 người thực hiện. Họ là những người sống lâu năm ở thôn buôn, có hiểu biết sâu sắc về địa phương mình.
- Địa điểm: tại một nơi có nhóm nông dân tự chọn, khi họ cảm thấy thuận lợi.
- Vật liệu: Các vật liệu như phấn viết, giấy khổ lớn, bút viết và các vật liệu cần thiết khác.

Tiến hành

- Giải thích rõ ý nghĩa, mục đích của công cụ.
- Hướng dẫn khung mô tả lược sử thôn bản trên mặt đất và đề nghị họ thực hiện.
- Nông dân tự tiến hành liệt kê từng sự kiện, trao đổi, thảo luận, phân tích và đánh giá để đưa ra những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân của từng sự kiện chính.
- Tiến hành phỏng vấn hoặc yêu cầu làm rõ hơn những điểm cần thiết và ghi chép.
- Cùng với nông dân chuyển kết quả vào giấy khổ lớn (có ghi chép bổ sung ý kiến thảo luận)

Kết quả: Một khung lược sử thôn buôn

Khung mô tả lược sử thôn buôn

Năm	Sự kiện chính liên quan đến tổ chức cộng đồng và quản lý tài nguyên rừng
1954	
1965	
1975...	
2002	

Công cụ 2: Phân loại kinh tế hộ

Mục đích

Phân loại hộ gia đình là một công cụ PRA được sử dụng nhằm đánh giá, xác định đúng tình hình kinh tế của các hộ gia đình trong cộng đồng.

Phân loại kinh tế hộ gia đình trong giao đất giao rừng nhằm mục đích là:

- Phát hiện hiện trạng về đời sống, sản xuất của hộ gia đình, mức độ phụ thuộc vào tài nguyên rừng
- Xây dựng chỉ tiêu phân loại kinh tế hộ từ những hiểu biết và nhận định của người dân. Đây là cơ sở để xem xét quy mô đất sản xuất, đặc biệt là xác định chính xác các hộ đói nghèo để xây dựng nhóm ưu tiên được hỗ trợ trong cộng đồng trong giao đất giao rừng.

Khác với phương pháp phân loại dựa vào các tiêu chí của nhà nước, công cụ này không áp đặt các tiêu chuẩn mà dựa trên sự hiểu biết, quan sát thực tế giữa người nọ với người kia trong cộng đồng. Người dân có thể dùng phiếu để phân loại dựa theo những tiêu chuẩn mà họ tự đặt ra.

Chuẩn bị

- Chuẩn bị 1 bộ phiếu ghi rõ tên tất cả các chủ hộ có ở trong thôn buôn.
- Lựa chọn một số hộ trong thôn buôn để tiến hành phỏng vấn. Khoảng 10% số hộ trong buôn được mời tham gia. Những người được phỏng vấn phải biết rõ tình hình kinh tế của tất cả các hộ gia đình trong thôn buôn và biết chữ

Tiến hành

- Phỏng vấn từng người một.
- Đề nghị từng nông dân dùng phiếu phân loại các hộ thành các nhóm kinh tế. Hãy để cho người dân tự phân loại bằng cách so sánh các lá phiếu đã ghi tên chủ hộ để xếp ra các nhóm khác nhau. Số lượng nhóm không quy định, thông thường biến động từ 3-5 nhóm kinh tế. Trường hợp có một vài hộ mới đến nhập cư hoặc có hộ mà người phân loại ít tiếp xúc nên không biết thật rõ thì có thể bỏ qua những phiếu đó. Trong lúc người dân phân loại, cán bộ PRA không gợi ý, chỉ có thể giải thích cách phân loại nếu thấy cần thiết.
- Khi người dân phân loại xong, nếu thấy nhóm nào có số phiếu $\geq 40\%$ tổng số phiếu thì yêu cầu người dân xem xét lại nhóm đó để tách ra làm hai nhóm nhỏ.
- Ghi chép lại tên các hộ theo nhóm.
- Phỏng vấn để xác định các tiêu chuẩn phân loại. Một số tiêu chuẩn người dân thường đưa ra để phân loại:
 - o Nhà cửa (kiên cố, mái tôn, mái tranh, tạm bợ, ...)
 - o Các tiện nghi sinh hoạt (giường tủ, bàn ghế, ti vi, ...)
 - o Các loại xe cộ máy móc (xe bò, xe cày, máy tưới, xe máy, ...)
 - o Quy mô sản xuất (diện tích ruộng rẫy, các loại cây có giá trị cao, ...)
 - o Số lượng vật nuôi (trâu, bò, heo, gà, ...)
 - o Số lượng và chất lượng lao động

- Số tháng thiếu lương thực trong năm

Tổng hợp các mẫu để tính toán và phân loại kinh tế hộ

Kết quả

- Bảng phân loại kinh tế hộ
- Bảng tiêu chí phân loại cho từng nhóm kinh tế hộ

Cách tính điểm để xếp loại kinh tế hộ

- Nhập điểm của từng hộ theo xếp loại của các người được phỏng vấn
- Tính điểm bình quân cho từng hộ.
- Tính điểm chênh lệch giữa các nhóm kinh tế và xếp loại kinh tế hộ

Ví dụ có 4 người dân được phỏng vấn để xếp loại kinh tế hộ, kết quả họ xếp loại cho từng hộ như sau:

Stt	Họ tên chủ hộ	Nông dân tham gia xếp loại			
		A (Xếp 4 loại)	B (Xếp 3 loại)	C (xếp 4 loại)	D (Xếp 5 loại)
1	Ng. Văn Chúc	I	I	I	I
2	Lê văn Hồng	II	II	II	II
3	Đặng Văn Thanh	I	I	I	I
4	Ng. Thị Tú	II	II	II	II
5	Lê Văn Ba	III	III	II	III
6	Ng. Văn Đông	I	III	II	III
7	Đào Thị Hà	II	II	I	II
8	Ng. Thị Xuân	IV	III	III	IV
9	Đinh Bá Tánh	IV	III	IV	V
10	Lý Văn Quang	III	II	III	III

Phương pháp quy điểm theo tổng số điểm là 100

Số nhóm	Điểm chênh lệch giữa các nhóm	I	II	III	IV	V
3	$100:3 = 33$	100	67	33		
4	$100:4 = 25$	100	75	50	25	
5	$100:5 = 20$	100	80	60	40	20

Tính điểm và xếp loại kinh tế hộ

Stt	Họ tên chủ hộ	Nông dân tham gia xếp loại					
		A (Xếp 4 loại)	B (Xếp 3 loại)	C (xếp 4 loại)	D (Xếp 5 loại)	Điểm trung bình	Xếp loại chung
1	Ng. Văn Chúc	100	100	100	100	100	I
2	Lê văn Hồng	75	67	75	80	74	II
3	Đặng Văn Thanh	100	100	100	100	100	I
4	Ng. Thị Tú	75	67	75	80	74	II
5	Lê Văn Ba	50	33	50	60	48	IV
6	Ng. Văn Đông	100	33	50	60	61	III
7	Đào Thị Hà	75	67	75	80	74	II
8	Ng. Thị Xuân	25	33	50	40	37	IV
9	Đinh Bá Tánh	25	33	50	20	32	IV
10	Lý Văn Quang	50	67	75	60	63	III

Điểm chênh lệch giữa các nhóm là: $= \frac{TB_{\max} - TB_{\min}}{\text{Số nhóm kinh tế hộ}}$. Số nhóm kinh tế hộ được lấy theo đa số

Trong ví dụ này thống nhất chia làm 4 nhóm: Điểm chênh lệch = (100 - 32) / 4 = 17

Tính khoảng điểm của các nhóm:

- Nhóm I: những hộ gia đình có số điểm từ : 100 - 83
- Nhóm II : những hộ gia đình có số điểm từ : 82 - 66
- Nhóm III : những hộ gia đình có số điểm từ : 65 - 49
- Nhóm IV : những hộ gia đình có số điểm từ : 48 - 32

Bảng tổng hợp tiêu chí phân loại kinh tế hộ của người dân (Ví dụ)

Nhóm hộ I	Nhóm hộ II	Nhóm hộ III	Nhóm hộ IV
- Có nhà xây, xe máy, tivi, máy tưới - Đi tưới thuê - Rẫy cà phê 5-6 ha, đang thu hoạch, có trâu bò, buôn bán & có máy xát, xe công nông - Có thuê công nhân liên tục, lâu dài	- Có nhà sàn, ghế salon, cattseet, xe cào - Có đầy đủ phân bón, thuê công nhân công nhật - Có cà phê 1 ha trở lên đang thu hoạch. - Trâu bò heo có từ 1-2 con	- Có nhà tôn , thương ván sàn chưa bằng nhà hộ khá, tạm đủ ăn - Đi khai thác cây, có việc phụ ổn định, có máy cattseet & máy cưa. - Cà phê từ 5 sào đang thu hoạch, có trâu, bò khoảng 1 con	- Nhà tranh nền đất, bàn ghế sơ sài - Đi làm thuê. - Chủ yếu là làm rẫy lúa (có diện tích lúa rẫy lớn hơn diện tích cà phê) - Trung bình 2 sào cà phê đang thu hoạch/1 hộ

Công cụ 3: Biểu đồ thay đổi sử dụng đất, rừng theo thời gian

Mục đích

Đây là một công cụ để tìm hiểu về quá trình sử dụng đất, rừng.

- Cùng người dân nhìn nhận lại quá trình sử dụng đất, rừng của thôn buôn và những ảnh hưởng của việc sử dụng đó đối với đời sống kinh tế, văn hóa
- Làm cơ sở quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia.

Chuẩn bị

- Các vật liệu như giấy khổ lớn, giấy màu, phấn, bút màu. Có thể sử dụng cả các vật liệu như đá sỏi, que nhỏ, các loại hạt để phục vụ cho đánh giá.
- Thành lập một nhóm từ 5 - 7 nông dân nòng cốt. Họ là những người sống lâu năm ở thôn buôn và có hiểu biết sâu sắc về tình hình đời sống, xã hội và sản xuất.
- Địa điểm làm việc là nơi thuận tiện cho thảo luận, quan sát

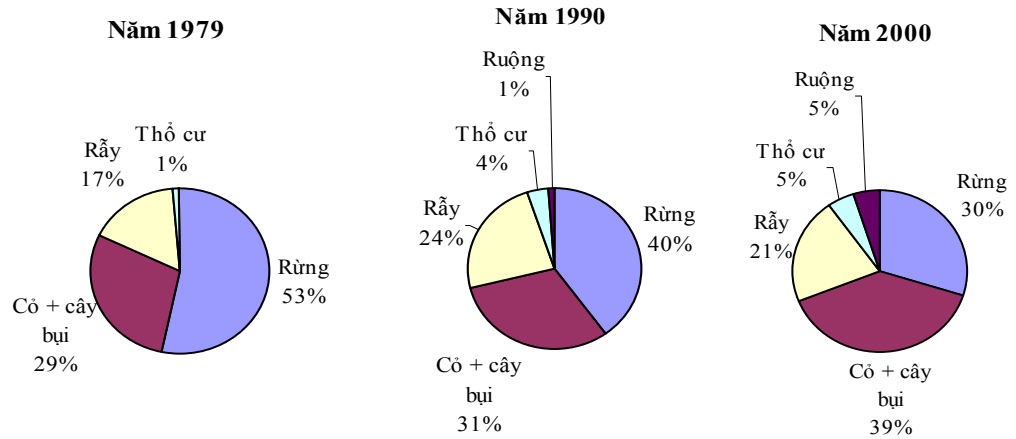
Tiến hành

- Giải thích rõ mục đích, ý nghĩa của công cụ cho nông dân tham gia thảo luận. Hướng dẫn cách mô tả về diễn biến tài nguyên đất, rừng theo thời gian, trên mặt sân phơi hoặc trên giấy
- Thúc đẩy người dân thảo luận lựa chọn loại biểu đồ để mô tả sự thay đổi sử dụng đất, rừng theo thời gian. Có thể sử dụng các loại biểu đồ tròn, biểu đồ cột.
- Qua đó thảo luận để tìm hiểu các vấn đề khó khăn, tìm ra nguyên nhân và đề xuất các giải pháp.
- Ghi chép lại những ý kiến của người dân.
- Trình bày lại biểu đồ trên giấy A0

Kết quả

- Sơ đồ sử dụng đất, rừng theo các mốc thời gian quan trọng
- Các Vấn đề/ Nguyên nhân / Đề xuất giải pháp liên quan

Một ví dụ về biểu đồ thay đổi sử dụng đất, rừng theo thời gian



Ghi chú: Tỷ lệ % các loại đất là tương đối

Phân tích vấn đề thay đổi sử dụng đất

Vấn đề	Nguyên nhân	Đề xuất

Công cụ 4: Phân loại rừng dựa vào cộng đồng

Mục đích

Hệ thống phân loại rừng theo điều tra quy hoạch là xa lạ với người dân, trong khi đó người nhận rừng cần biết mình nhận loại rừng gì? mức độ giàu nghèo? phải nuôi dưỡng bao nhiêu năm? sử dụng làm gì?... Do đó cần thiết có một bảng phân loại rừng dựa vào sự phân biệt của người dân và đối chiếu nó với hệ thống phân loại rừng về kĩ thuật để có thể quản lí rừng sau khi giao. Mục đích của công cụ này là:

- Người dân nhận biết các loại rừng có trong khu vực
- Người dân đưa ra các chỉ tiêu phân loại: Tên gọi từng loại, tiêu chí phân loại (loài cây chỉ thị, đất, mức độ giàu nghèo, kích thước cây gỗ...) và định hướng sử dụng.
- Đối chiếu cách phân loại của cộng đồng với hệ thống phân loại rừng về kĩ thuật để quản lí rừng sau khi giao

Tiến hành

- Chuẩn bị sẵn giấy khổ lớn và bút viết.
- Thành lập một nhóm 5 - 7 nông dân nòng cốt, bao gồm những người có hiểu biết sâu sắc về tài nguyên rừng.
- Tiến hành đi rừng để quan sát ở từng loại rừng
- Phỏng vấn linh hoạt để xác định tên gọi từng loại rừng? Cách phân biệt các loại rừng? Hiện trạng các loại rừng ra sao? Giá trị của từng loại rừng đối với đời sống cộng đồng?
- Lập bảng phân loại rừng dựa vào cộng đồng và đối chiếu từng loại với các trạng thái rừng theo kĩ thuật điều tra rừng

Kết quả: Có 01 bảng phân loại rừng và đất rừng dựa vào người dân và đối chiếu với trạng thái rừng theo kĩ thuật

Stt	Tên loại rừng (Tiếng đồng bào, kinh)	Chỉ tiêu phân loại (loài cây, đất, mức độ giàu nghèo, kích thước cây to hay nhỏ, mật độ dày hay thưa, tái sinh, LSNG,...)	Mục tiêu quản lý kinh doanh trong cộng đồng	Đối chiếu với hệ thống trạng thái rừng
1				
2				
3				

Công cụ 5: Vẽ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, rừng

Mục đích

Vẽ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất đóng vai trò quan trọng trong xem xét việc quy hoạch sử dụng đất rừng. Từ việc vẽ sơ đồ cho phép nhìn nhận được toàn cảnh hiện trạng đất đai, quá trình sử dụng. Thông qua đó thảo luận với người dân về những vấn đề khó khăn, các cơ hội cũng như những dự kiến trong tương lai để sử dụng đất đai hợp lý hơn.

- Người dân tái hiện lại hiện trạng sử dụng đất của mình.
- Tạo ra cơ hội để người dân tham gia thảo luận về những vấn đề trong sử dụng đất.
- Làm cơ sở cho việc quy hoạch sử dụng đất rừng sau khi giao.

Chuẩn bị

- Chuẩn bị sẵn giấy khổ lớn, phấn và bút viết và các vật liệu cần thiết khác.
- Thành lập một nhóm 5 - 7 nông dân nòng cốt, bao gồm những người có hiểu biết về khu vực sinh sống của thôn buôn.
- Chọn địa điểm vẽ sơ đồ, nên chọn nơi cao để quan sát được toàn cảnh đất đai thôn buôn

Tiến hành

- Giải thích thật rõ mục đích, ý nghĩa của việc vẽ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất
- Thúc đẩy người dân trao đổi, thảo luận và vẽ nháp trên đất hoặc trên giấy. Bắt đầu từ những địa hình địa vật dễ nhận biết như đường đi, sông suối, đồi núi, nơi ở của buôn... chi tiết dần đến từng loại đất, rừng.
- Chuyển sơ đồ đã được phác họa lên giấy khổ lớn, tô màu, kí hiệu các loại đất đai, rừng trong phạm vi thôn buôn
- Tiến hành thảo luận các vấn đề, nguyên nhân và giải pháp cho từng loại đất đai, rừng

Kết quả

- Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, rừng của thôn buôn
- Các vấn đề/nguyên nhân/đề xuất giải pháp cho từng loại đất đai, tài nguyên
- Từ việc thảo luận giải pháp làm cơ sở xây dựng tiếp sơ đồ quy hoạch sử dụng đất rừng



Ví dụ một sơ đồ hiện trạng sử dụng đất rừng

Công cụ 6: Lát cắt

Mục đích

Công cụ này giúp cho việc thảo luận trực tiếp với người dân trên hiện trường để đánh giá hiện trạng và tiềm năng về tài nguyên rừng của thôn buôn. Thông qua đi lát cắt qua các dạng địa hình khác nhau sẽ bổ sung việc đánh giá các vấn đề cũng như tiềm năng của đất, rừng trong thôn buôn. Từ đó đề xuất các giải pháp quản lý, kinh doanh rừng.

Chuẩn bị

- Chuẩn bị công cụ: bản đồ, địa bàn, máy chụp ảnh, giấy bút.
- Thành lập một nhóm 3- 5 nông dân nòng cốt, bao gồm những người có hiểu biết về khu vực sinh sống của thôn buôn.
- Thảo luận với nông dân nòng cốt trên sơ đồ để xác định hướng đi lát cắt có thể qua nhiều dạng địa hình, canh tác, trạng thái rừng khác nhau trong thôn buôn

Tiến hành

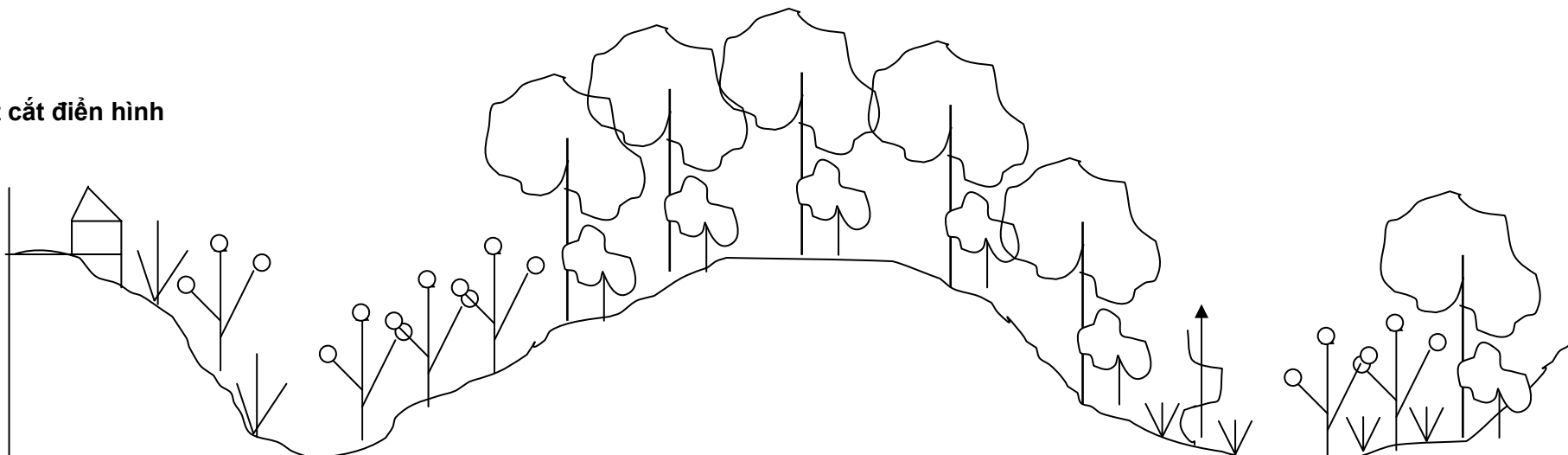
- Giải thích rõ mục đích đi lát cắt, yêu cầu người dân dẫn đường và sẵn sàng thảo luận.
- Khi đi đến mỗi vùng đặc trưng cho khu vực, cả đoàn dừng lại thảo luận. Cán bộ PRA phác họa nhanh địa hình, mặt cắt đứng và vẽ đặc điểm vùng đó. Tạo điều kiện cho người dân thảo luận với nhau và phỏng vấn. Trong trường hợp cần thiết, cả đoàn khảo sát, đo đếm hoặc lấy mẫu vật. Cần tập trung trao đổi và phỏng vấn vào các nội dung sau:
 - o Đặc điểm tự nhiên: đất đai, nguồn nước, quá trình sử dụng đất đai, ...
 - o Hiện trạng đất rừng.
 - o Tình hình tổ chức quản lý.
 - o Những khó khăn đang gặp phải.
 - o Những cơ hội và giải pháp.
- Sau khi đi từ 2 - 3 lát cắt, các kết quả được tập hợp, thống nhất và đưa ra được một sơ đồ mặt cắt chung cho thôn buôn.

Ở công cụ này, cán bộ PRA kết hợp sử dụng nhiều kỹ thuật như: phỏng vấn linh hoạt, quan sát, lắng nghe tích cực, ghi chép và tổng hợp, ... để thúc đẩy người dân thảo luận, phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý kinh doanh rừng.

Kết quả: Một sơ đồ cắt đứng. Thông tin thu thập được lên sơ đồ mặt cắt gồm 2 phần chính:

- Mô tả hiện trạng bề mặt theo độ cao trong đó biểu diễn các hình ảnh chung về các phương thức canh tác, trạng thái rừng, sử dụng đất, vật nuôi, cây trồng
- Phần dưới mô tả tương ứng về: điều kiện tự nhiên, các phương thức canh tác, vật nuôi cây trồng, tổ chức sản xuất, khó khăn, cơ hội và giải pháp.

Một lát cắt điển hình



Chi tiêu	Dường quốc lộ	Thổ cư + Vườn hộ	Suối Đak Kó	Vườn cà phê	Rừng tự nhiên (GDGR)	Ruộng bị xâm canh	Suối Đak R'Lấp	Rẫy bị xâm canh	
Đất		Nâu đỏ						Nâu đỏ	
Nước		Giếng đào		Suối	Nguồn tự nhiên	Suối		Suối	
Động thực vật		+ TV: Cà phê. Tiêu, điều ... +ĐV: Gà, heo ...		Cà phê, chuối, sắn, khoai môn	+ Cây rừng (dẻ, bời lời, cà na, trám đỏ, chò xốt, bằng lăng ...) + Các loài ĐVR nhỏ (sóc, khỉ, gà rừng, heo rừng ...)	+ Lúa, tiêu, đậu các loại		Cà phê, lúa, đậu phụng.	
Kinh tế Xã hội		+ Cung cấp nguồn thực phẩm cho sinh hoạt + Tăng thu nhập		Nguồn thu nhập trong tương lai	+ Quản lý bảo vệ rừng được giao. + Lấy củi, sản phẩm khác,... + Lấy gỗ làm nhà.	Rẫy cũ hiện bị xâm canh bởi người ở tỉnh khác		Rẫy cũ hiện bị xâm canh bởi người ở tỉnh khác	
Giới		Cả nam và nữ cùng làm		Nam + nữ	+ Nữ : Lấy củi, măng, rau rừng, nấm ... + Nam : lấy gỗ, săn bắt ĐVR				
Vấn đề		+ Cà phê xấu + Đất chưa có bìa đỏ + Thiếu vốn. +Thiếu máy móc, phương tiện sản xuất		+ Thiếu kỹ thuật. + Thiếu vốn	+ Vẫn bị người ngoài xâm phạm khai thác trái phép. + Chưa biết kỹ thuật tác động				
Cơ hội		+ Tự túc được lương thực/thực phẩm. + Có lao động		+ Gần suối + Có lao động và cần củ.	+ Rừng đã được giao cho nhóm hộ + Rừng còn nhiều gỗ lớn. + Người dân có ý thức trách nhiệm.				
Đề xuất	+ Được vay vốn đầu tư sản xuất. + Tập huấn kỹ thuật.	+ Vay vốn. + Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật	+ Đề nghị được giao cả diện tích rừng le-lở ô. + Được hỗ trợ kỹ thuật trong bảo vệ và phát triển rừng lâu dài. + Kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan trong bảo vệ rừng		+Giống phần trước. +Muốn được tiếp tục giao đất giao rừng				

Công cụ 7: Ma trận về tiềm năng lâm sản ngoài gỗ

Mục đích

Phát hiện được tiềm năng của các sản phẩm rừng trong đời sống và sản xuất cũng như văn hóa của cộng đồng.

Ngoài các lợi ích từ gỗ mà người nhận rừng sẽ được ăn chia khi khai thác, người dân còn được thu hoạch các sản phẩm ngoài gỗ, do đó cần có nghiên cứu, tìm hiểu từ người dân để:

- Xác định và đánh giá tiềm năng các loại lâm sản ngoài gỗ có thể thu hoạch được ở từng trạng thái rừng
- Làm cơ sở để tính toán thu nhập của người nhận rừng từ sản phẩm ngoài gỗ.

Chuẩn bị

- Giấy khổ lớn, phấn, bút viết và các vật dụng khác như sỏi,
- Thành lập các nhóm 3 -5 nông dân am hiểu về rừng

Tiến hành:

- Người dân được cán bộ PRA hướng dẫn để liệt kê, phân loại các sản phẩm ngoài gỗ và đánh giá, cho điểm theo các công dụng của từng loại sản phẩm.
- Thúc đẩy nhóm nông dân lập ma trận và cho điểm (thang 10)
- Đề nghị kiểm tra và so sánh
- Phòng vấn về các vấn đề / nguyên nhân/ đề xuất

Kết quả

- Ma trận về các sản phẩm ngoài gỗ cho từng trạng thái rừng. Tổng điểm của từng loài sản phẩm sẽ cho biết tiềm năng của nó cao hay thấp trong tài nguyên rừng hiện tại. Tổng điểm của từng công dụng sẽ phản ánh nhu cầu của cộng đồng về lâm sản ngoài gỗ là gì, ưu tiên ra sao.
- Các vấn đề/nguyên nhân/đề xuất cho từng nhóm sản phẩm.

Một ví dụ về ma trận các lâm sản ngoài gỗ

Công dụng	Loại sản phẩm																	Tổng
	Tre	Tranh	Song mây	Vỏ cây	Lá cây	Quả rừng	Củ rừng	Rau rừng	Măng	Nấm	Mật ong	Cá	Ếch nhái	Rùa, ba ba	Trăn, rắn	Chim	Thú khác	
Để ăn	0	0	3	0	2	1	2	4	5	5	2	5	3	3	2	3	2	42
Để bán	0	4	5	4	0	0	0	0	6	0	2	6	0	2	2	2	2	35
Làm nhà	7	6	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20
Làm thuốc	0	2	0	2	2	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	1	11
Làm công cụ, đồ dùng	10	3	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17
Tổng	17	15	19	6	4	2	2	4	11	5	5	11	3	5	5	6	5	126

Vấn đề	Nguyên nhân	Đề xuất

Công cụ 8: Sơ đồ Venn về tổ chức

Mục đích

Phân tích tổ chức và xây dựng sơ đồ mối quan hệ của các tổ chức; đồng thời xác định tầm quan trọng và mức độ ảnh hưởng khác nhau của các tổ chức địa phương hiện tại trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và quản lý thôn buôn.

Tìm kiếm các khó khăn, vấn đề và các đề xuất về mặt tổ chức quản lý.

Chuẩn bị

- Chuẩn bị giấy khổ lớn, giấy màu các loại, phấn viết, bút, dao rọc giấy, kéo cắt giấy và các vật liệu cần thiết khác.
- Thành lập một nhóm 5 - 7 người gồm nhiều thành phần đại diện cho các tổ chức đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong thôn buôn.

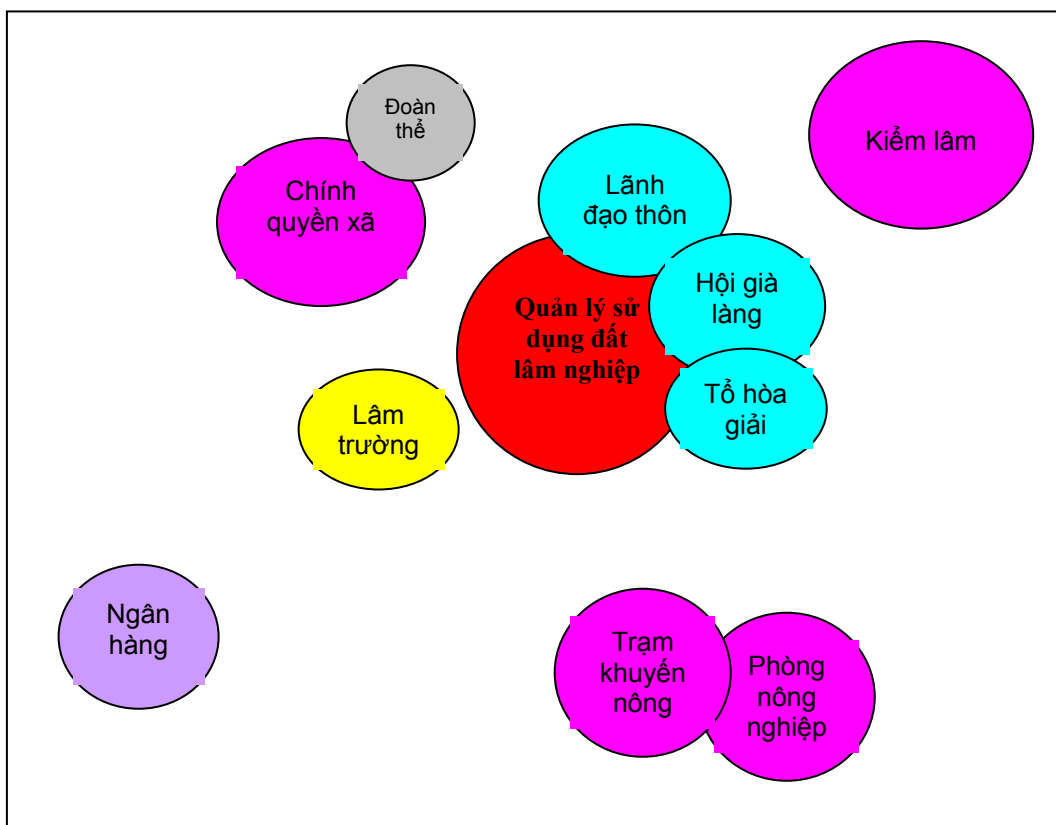
Tiến hành

- Giải thích rõ mục đích của công cụ.
- Thúc đẩy để người dân liệt kê các tổ chức từ thôn đến huyện có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý sử dụng đất rừng của người dân trong thôn buôn.
- Đề nghị người dân thảo luận chức năng, nhiệm vụ, tầm quan trọng của từng đơn vị tổ chức theo cách hiểu của họ.
- Đánh giá mối quan hệ giữa các tổ chức theo sơ đồ Venn:
 - o Cắt giấy thành các vòng tròn to nhỏ khác nhau.
 - o Xác định tầm quan trọng của các tổ chức: Dùng phương pháp so sánh để xác định và ghi tên các tổ chức vào các vòng tròn to hay nhỏ. Tổ chức nào càng quan trọng thì được ghi tên vào vòng tròn càng to. Dành riêng một vòng tròn lớn nhất để viết tên lĩnh vực đang quan tâm (Quản lý sử dụng đất rừng).
 - o Xác định mức độ ảnh hưởng và quan hệ giữa các tổ chức: Đặt vòng tròn lớn nhất ở trung tâm, đề nghị người dân sắp xếp vị trí các vòng tròn khác. Tổ chức nào đã và đang có ảnh hưởng nhiều đến chủ đề thì xếp gần hoặc chồng lên vòng tròn trung tâm, tổ chức nào càng ít ảnh hưởng thì đặt càng xa. Các tổ chức có quan hệ chặt chẽ với nhau thì xếp gần hoặc chồng lên nhau một phần
- Trong tiến trình làm sơ đồ, đặt câu hỏi làm rõ và xác định: Vấn đề / Nguyên nhân / Đề xuất giải pháp từ người dân liên quan đến quản lý tài nguyên.

Kết quả

- Sơ đồ Venn quan hệ các tổ chức
- Kết quả phân tích tình hình tổ chức quản lý tài nguyên rừng trong thôn buôn
- Các vấn đề, nguyên nhân và giải pháp được đề xuất để phát triển tổ chức quản lý rừng.

Ví dụ: Sơ đồ Venn về các tổ chức liên quan đến quản lý sử dụng đất rừng



Công cụ 9: Phiếu thăm dò phương thức giao đất rừng cho hộ hay nhóm hộ hay cộng đồng (thôn buôn)

Mục đích

Câu hỏi đặt ra là: Đất rừng sẽ giao cho hộ, hay cho nhóm hộ/dòng họ hay cho cộng đồng? và vì sao chọn phương thức này?

Điều này phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, cộng đồng; phụ thuộc vào cấu trúc xã hội truyền thống đang tồn tại và mối liên kết trong sử dụng đất, tài nguyên. Do đó không nên áp đặt bất kỳ hình thức nào cho một cộng đồng cụ thể. Để làm tốt điều này cần có nghiên cứu, điều tra khảo sát và lấy ý kiến từ người dân, tạo ra cho cộng đồng nhiều cơ hội được thảo luận để lựa chọn phương thức thích hợp cho mình.

Công cụ được sử dụng là phiếu thăm dò nhằm tìm hiểu nhu cầu nhận đất rừng và sở thích của người dân trong thôn buôn về hình thức nhận đất rừng.

Chuẩn bị: In và photo phiếu thăm dò đủ cho tất cả các hộ trong thôn (buôn).

Tiến hành

- Giải thích cách điền phiếu cho lãnh đạo thôn, gia làng, nông dân nòng cốt
- Giao bộ phiếu cho ban tự quản thôn, nông dân nòng cốt để phát cho từng hộ và giúp họ điền vào phiếu
- Thu lại phiếu và tổng hợp để xác định nhu cầu chung trong buôn
- Thông báo kết quả thăm dò phương thức nhận đất rừng với toàn buôn trong cuộc họp lần 2 và lấy ý kiến thống nhất

Kết quả

- Có sự thống nhất cao trong cộng đồng về phương thức nhận đất nhận rừng theo hộ hay nhóm hộ hay chung thôn buôn.
- Nếu nhận theo nhóm hộ thì có danh sách của mỗi nhóm, diện tích và vị trí đề nghị

**PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN CỦA DÂN
VỀ PHƯƠNG THỨC NHẬN ĐẤT RỪNG**

Thôn buôn: Xã: Huyện:

Họ và tên chủ hộ: Dân tộc:

Số khẩu: Số lao động chính:

Diện tích đất nông nghiệp hiện có:ha. Trong đó:

Diện tích ruộng: ha Diện tích rẫy: ha

Diện tích trồng các loại cây khác: ha Tên loài cây trồng chính:

(Ông bà đánh dấu × vào ô mà ông bà mong muốn)

Hộ gia đình có muốn nhận đất nhận rừng không: có ☐ không ☐

Nếu muốn nhận đất nhận rừng, ông bà muốn nhận theo hình thức nào:

Hộ gia đình ☐ Nhóm hộ ☐ Chung cả thôn buôn ☐

Nếu muốn nhận theo nhóm hộ, trong nhóm hộ của ông bà có những hộ nào:

1/ 2/

3/ 4/

5/ 6/

7/ 8/

9/ 10/

Lý do hình thành nhóm hộ này:

Vị trí đề xuất được nhận: (Gần suối, núi, đồi nào):

Đề xuất diện tích được nhận:

Chủ hộ ký tên

Công cụ 10: Vẽ sơ đồ giao đất rừng cho hộ, nhóm hộ hay cộng đồng

Mục đích

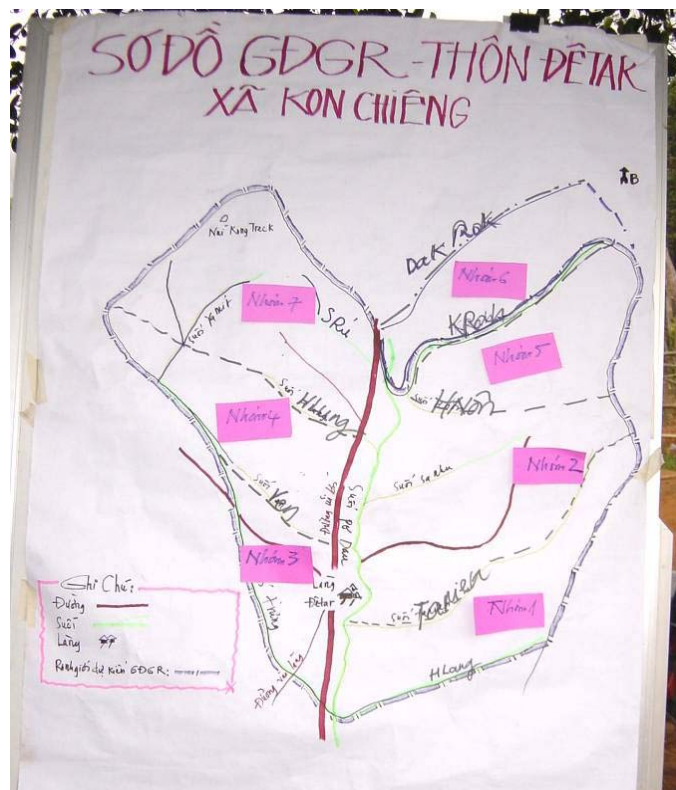
Thiết kế vùng, khu vực giao theo hộ, nhóm hộ, cộng đồng có sự tham gia đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của người dân về quản lý đất rừng.

Chuẩn bị

- Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất rừng thôn buôn
- Các phiếu thăm dò phương thức nhận đất rừng
- Nhóm nông dân nòng cốt:
Đại diện ban tự quản, già làng, đại diện các nhóm hộ

Tiến hành

- Thúc đẩy nhóm nông dân nòng cốt thảo luận, thương thảo để phân hoạch ranh giới giao đất rừng cho từng hộ, nhóm hộ trên sơ đồ.
- Thúc đẩy tiến trình này với các lưu ý sau:
 - + Tận dụng các yếu tố tự nhiên như sông suối, đường để làm ranh giới
 - + Việc phân chia ranh giới giao cũng cần quan tâm đến sự phù hợp với vị trí đất canh tác nương rẫy của hộ, nhóm hộ, truyền thống quản lý đất của từng dòng họ.....
- Sơ đồ phân chia rừng được trình bày trong cuộc họp thôn lần 2 để lấy ý kiến thống nhất



Kết quả: Có được một sơ đồ phân chia rừng cho hộ hoặc nhóm hộ, cộng đồng thể hiện đầy đủ ranh giới, địa hình, địa vật. Đây là cơ sở để chuyển lên bản đồ thành quả thiết kế giao đất giao rừng.

Công cụ 11: Vẽ sơ đồ quy hoạch sử dụng đất rừng

Mục đích

Nhằm phát huy kiến thức sinh thái địa phương của người dân bản địa trong quản lí và kinh doanh rừng, đồng thời nó giúp cho việc xác định giải pháp kĩ thuật lâm nghiệp cho từng trạng thái rừng và kế hoạch phù hợp với năng lực, khả năng của người dân.

Chuẩn bị

- Sơ đồ hiện trạng đất rừng
- Giấy, bút màu, phấn viết,....
- Thành lập một nhóm nông dân nông cốt 5 -7 người có uy tín, am hiểu sản xuất, có đại diện phụ nữ (khoảng 1/4 - 1/3)

Tiến hành

- Giải thích rõ cho mọi người hiểu mục đích của công cụ là xác định các giải pháp tổ chức kinh doanh rừng và đất rừng được giao và kế hoạch cho việc thực hiện.
- Cán bộ PRA thúc đẩy mọi người tích cực tham gia thảo luận và dùng phấn, bút vẽ lên sơ đồ các đường ranh giới mà họ muốn quy hoạch như: khu vực canh tác nông nghiệp, nương rẫy, khu vực nông lâm kết hợp, khu vực trồng rừng, khu vực nuôi dưỡng, làm giàu rừng, khu vực khai thác
- Cán bộ PRA luôn đặt ra các câu hỏi và ghi chép lại các ý kiến của họ.
- Sau khi có sơ đồ quy hoạch các giải pháp kĩ thuật cho từng đối tượng, thúc đẩy thảo luận để xác định các khu vực ưu tiên, tức là lập kế hoạch về thời gian.
- Vẽ lại trên giấy khổ lớn để làm sơ đồ quy hoạch sử dụng đất rừng bao gồm 2 nội dung chính cho mỗi loại đất: Giải pháp kĩ thuật, thời gian, khối lượng/diện tích tiến hành.
- Sơ đồ quy hoạch cần được thống nhất trong cuộc họp buôn lần 2

Kết quả: Một sơ đồ quy hoạch sản xuất nông lâm nghiệp thể hiện đầy đủ: Cơ cấu cây trồng vật nuôi, khối lượng/diện tích, thời gian dự kiến. Đây là cơ sở để chuyển lên bản đồ thành quả quy hoạch sử dụng đất rừng.

4.2 Các công cụ điều tra quy hoạch rừng có sự tham gia của người dân

Công cụ 12: Khoanh vẽ và đo đếm diện tích trạng thái rừng

Mục đích

Một bản đồ trạng thái rừng được khoanh vẽ và đo đếm diện tích theo trạng thái khu vực giao đất rừng. Bản đồ trạng thái rừng phục vụ xây dựng bản đồ giao rừng cho từng đối tượng có thể hiện đầy đủ trạng thái rừng khi giao.

Chuẩn bị

- Bản đồ địa hình khu vực giao đất rừng
- Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất rừng do người dân tham gia vẽ (Công cụ 5)
- Kết quả phân loại rừng của người dân (Công cụ 4) để sử dụng các tên gọi kiểu rừng của dân
- Các dụng cụ điều tra đo đạc: Địa bàn cầm tay, GPS (nếu có), thước dây 30m – 50m, ống nhôm, bút chì, thước kẻ, thước đo độ,....
- Thành lập một nhóm nông dân nòng cốt 3 - 5 người am hiểu địa bàn rừng

Tiến hành

- Lựa chọn phương pháp đo vẽ trạng thái rừng: Tùy theo điều kiện thiết bị, địa hình, diện tích để chọn lựa một trong các phương pháp đo vẽ trạng thái sau:
 - Sử dụng ảnh máy bay hoặc ảnh vệ tinh để kết hợp giải đoán (hoặc sử dụng ảnh đã giải đoán – nếu có) và đo vẽ bổ sung trên thực địa bằng địa bàn hoặc GPS. Cung cấp bản đồ hiện trạng để người dân tham gia, bổ sung xác định các ranh giới, phân bố các trạng thái rừng, đất đai trong khu vực giao.
 - Khoanh vẽ theo dốc đối diện, đo vẽ bổ sung ranh giới bằng địa bàn hoặc GPS
 - Khoanh vẽ theo tuyến hệ thống. Cụ ly tuyến tùy theo diện tích mà chọn cụ ly tuyến, thông thường với quy mô 1.000 ha thì cụ ly tuyến từ 200 – 300m, trên 1.000ha thì cụ ly tuyến có thể là 500m
- Kế thừa kết quả vẽ sơ đồ hiện trạng của người dân và khoanh vẽ kỹ thuật trên hiện trường có sự tham gia của người dân. Vẽ ranh giới các trạng thái rừng cho từng lô, khoảnh rừng trên bản đồ địa hình. Tên gọi trạng thái rừng nên sử dụng cả hai cách: Tên gọi theo kỹ thuật và tên gọi của cộng đồng. Ví dụ: IIIA3 – Rừng già
- Nếu khu vực giao có diện tích lớn thì nên phân chia thành các khu nhỏ và đặt tên để dễ quản lý và phân chia rừng cho từng đối tượng, tên gọi của từng khu nên lấy theo tên địa phương dựa vào địa danh sông suối hoặc núi đồi hoặc yếu tố lịch sử,....
- Đo đếm diện tích: Diện tích trạng thái được đo đếm từng mảnh trong từng khoảnh, khu vực bằng một trong các phương pháp sau:
 - Đo đếm bằng lưới ô vuông trên bản đồ
 - Đo đếm bằng máy đo cầu tích trên bản đồ
 - Đo đếm bằng máy đo diện tích kỹ thuật số trên bản đồ

- Sử dụng phần mềm quản lí bản đồ như MapInfo hoặc ArcView: Số hoá bản đồ trạng thái và đo tính diện tích trên máy vi tính

Kết quả:

- Một bản đồ trạng thái rừng khu vực giao, trên đó thể hiện tên trạng thái (theo kỹ thuật và người dân), màu sắc và diện tích trạng thái tại trung tâm của một

III/41 – Rung gia

mảnh trạng thái rừng. Ví dụ: 55.5

- Thống kê diện tích theo trạng thái cho từng khoảnh, khu vực và tổng hợp cho toàn khu giao

Công cụ 13: Khoanh vẽ ranh giới và đo đếm diện tích giao đất rừng cho hộ, nhóm hộ, cộng đồng

Mục đích

Xây dựng được bản đồ khoanh vẽ diện tích giao cho từng đối tượng hộ, nhóm hộ hoặc cộng đồng thôn buôn. Bao gồm một bản đồ chung và bản đồ cho từng hộ, nhóm hộ. Trên các bản đồ này cần thể hiện rõ trạng thái rừng, đây là cơ sở để lập bản đồ giao đất rừng trong sổ đỏ có thể hiện đầy đủ trạng thái rừng.

Chuẩn bị

- Bản đồ trạng thái rừng (công cụ 12)
- Bản đồ địa hình
- Sơ đồ giao đất rừng được xây dựng bởi cộng đồng (công cụ 10)
- Các dụng cụ điều tra đo đạc: Địa bàn cầm tay, GPS (nếu có), thước dây 30m – 50m, ống nhôm, bút chì, thước kẻ, thước đo độ,....
- Thành lập các một nhóm nông dân đại diện cho các hộ gia đình, hoặc đại diện cho từng nhóm hộ nếu giao cho từng nhóm

Tiến hành

- Đối chiếu kết quả phân chia đất rừng của người dân trên sơ đồ ở công cụ 10 với thực địa và bản đồ địa hình, hiện trạng. Sử dụng các địa hình, địa danh theo nhận biết của người dân để kiểm tra.
- Tiến hành đi khoanh vẽ theo đường ranh giới phân chia diện tích giữa các hộ hoặc nhóm hộ bằng địa bàn cầm tay, địa bàn 3 chân hoặc GPS. Nếu ranh giới là sông suối, đường đồng thể hiện rõ trên bản đồ thì chỉ cần đến xác minh là đủ.
- Thể hiện ranh giới giữa các hộ, nhóm hộ trên bản đồ trạng thái rừng, tỷ lệ 1/10.000.
- Mở rộng từng phần bản đồ giao đất rừng cho từng hộ gia đình theo tỷ lệ 1/5.000-1/2000 trên bản đồ trạng thái rừng.
- Đo đếm diện tích: Diện tích trạng thái rừng trong từng lô, khu rừng giao cho hộ, nhóm hộ, cộng đồng được đo đếm theo các phương pháp tương tự đã trình bày trong công cụ 12.

Kết quả

- Một bản đồ (tỷ lệ 1/10.000) khu vực giao đất rừng, trên bản đồ thể hiện ranh giới hộ, nhóm hộ, trạng thái rừng, diện tích của mỗi hộ, nhóm hộ; tô màu theo hộ, nhóm hộ. Tại trung tâm ghi rõ tên hộ/nhóm hộ, diện tích. Ví dụ: $\frac{N_{hóm\ h\bar{o}1}}{25.5}$
- Các bản đồ giao đất rừng cho từng hộ hoặc nhóm hộ, trên bản đồ thể hiện ranh giới, trạng thái rừng, diện tích của hộ hoặc nhóm hộ; tại trung tâm ghi rõ tên hộ/nhóm hộ, trạng thái rừng, diện tích. Ví dụ: $\frac{N_{hóm\ h\bar{o}2} - Rung\ TB}{15.5}$
- Thống kê diện tích giao cho từng hộ, nhóm hộ. Trong từng hộ cần chi tiết diện tích theo trạng thái rừng. Tổng hợp cho toàn khu vực giao.

[illegible]

Công cụ 14: Ước lượng các chỉ tiêu lâm học cho từng trạng thái rừng

Mục đích

Ước lượng các chỉ tiêu lâm học chủ yếu cho từng trạng thái rừng khi giao và làm cơ sở giám sát quản lý tài nguyên và phân chia lợi ích cho người nhận rừng.

Chuẩn bị

- Bản đồ hiện trạng rừng và giao đất rừng đến hộ, nhóm hộ (kết quả công cụ 12 và 13)
- Các dụng cụ điều tra đo đạc: Địa bàn cầm tay, GPS (nếu có), thước dây 30m – 50m, thước đo đường kính, chiều cao, ống nhôm, bút chì, thước kẻ, thước đo độ, máy tính cầm tay, bảng biểu điều tra ô tiêu chuẩn...
- Thành lập các một nhóm nông dân đại diện cho các hộ gia đình, hoặc đại diện cho từng nhóm hộ nếu giao cho từng nhóm

Tiến hành

- Chọn lựa phương pháp điều tra: Có thể là điển hình hay hệ thống
- Sử dụng điều tra theo ô tiêu chuẩn, diện tích 500m² có thể hình chữ nhật hoặc tròn
- Mỗi trạng thái tiến hành rút mẫu từ 3 – 6 ô tiêu chuẩn cho 100ha. Nếu chọn phương pháp điển hình thì các ô tiêu chuẩn được đặt ở những nơi đại diện cho trạng thái rừng điều tra. Nếu theo phương pháp hệ thống thì thiết kế các tuyến song song cách đều, cự ly tuyến và ô tiêu chuẩn trên tuyến khoảng 200 - 300m.
- Trong ô tiêu chuẩn điều tra tên loài (Kinh và dân tộc), đường kính, chiều cao, (đo đếm ngẫu nhiên 3- 5 cây: nhỏ, trung bình và to ở mỗi ô tiêu chuẩn)
- Tổng hợp các ô tiêu chuẩn theo trạng thái để xác định 3-4 loài cây chủ yếu, mật độ trên ha, đường kính, chiều cao trung bình và khối lượng cho mỗi hecta theo từng trạng thái rừng. Để tính khối lượng gỗ trên một hecta, thì cần phải tính khối lượng từng cây $V = g.h.f1.3$, sau đó cộng lại và suy ra trên một hecta; với chiều cao được tính suy ra từ đường kính theo cách tính toán tương xứng (H/D) thì con số $f1.3 = 0.45-0.50$.
- Lập các bảng biểu thể hiện các chỉ tiêu lâm học theo trạng thái và tổng hợp cho từng hộ, nhóm hộ

Kết quả

- Bảng thống kê các chỉ tiêu lâm học theo trạng thái rừng
- Bảng thống kê diện tích và các đặc điểm trạng thái rừng giao cho hộ hoặc nhóm hộ

Ví dụ: Bảng thống kê ước lượng các chỉ tiêu lâm học theo trạng thái rừng

Stt	Tên trạng thái, kí hiệu	Tên gọi của cộng đồng	Loài cây chủ yếu (3-5 loài)	Mật độ N/ha	Đường kính bình quân Dbq (cm)	Hbq (m)	M (m ² /ha)
1	Non - IIB	Rừng non sau nương rẫy dưới 10 năm	Dẻ, Thầu tấu, Lành ngạnh	600	12	7	50
2	Nghèo – IIIA1	Rừng xấu	Dẻ, Trám, Chò xốt	350	15	12	80
3	Trung bình – IIIA2	Rừng già	Bằng lăng, Cẩm xe, Gội	550	22	18	240
4							

Ví dụ: Bảng thống kê diện tích các đặc điểm của trạng thái rừng giao cho hộ, nhóm hộ, cộng đồng

Stt	Tên hộ hoặc nhóm hộ	Trạng thái rừng	Diện tích (ha)	Loài cây chủ yếu (3-5 loài)	Mật độ/ha N/ha	Đường kính bình quân Dbq (cm)	Hbq (m)	M (m ² /ha)	Tổng số cây	Tổng số khối lượng gỗ (m ³)
1	Nhóm hộ 1	IIIA1 - Nghèo	100	Dẻ, Trám, Chò xốt	350	15	12	80	35.000	8.000
		IIIA2 – TB	50	Bằng lăng, Cẩm xe, Gội	550	22	18	240	27.500	12.000
	Tổng nhóm hộ 1		150						62.500	20.000
2	Nhóm hộ 2									
	Tổng nhóm hộ 2									
	Tổng theo trạng thái	IIB – Non								
		IIIA1 – Nghèo								
		IIIA3 - Giàu								
	Tổng chung									

Công cụ 15: Lập bản đồ quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất rừng

Mục đích

Xây dựng được một bản đồ quy hoạch và kế hoạch đơn giản sử dụng đất rừng được giao

Chuẩn bị

- Bản đồ địa hình, hiện trạng rừng khu vực giao
- Sơ đồ quy hoạch sử dụng đất rừng do người dân thực hiện (Công cụ 11)
- Các dụng cụ điều tra đo đạc: Địa bàn cầm tay, GPS (nếu có), thước dây 30m - 50m, ống nhôm, bút chì, thước kẻ, thước đo độ,....
- Thành lập một nhóm nông dân nông cốt 5 - 7 người am hiểu sản xuất, rừng.

Tiến hành

- Kế thừa kết quả vẽ sơ đồ quy hoạch sử dụng đất rừng của người dân tiến hành kiểm tra ngoài thực địa để khoanh vẽ ranh giới các khu vực áp dụng các giải pháp kĩ thuật khác nhau. Sử dụng địa bàn cầm tay, hoặc địa bàn 3 chân hoặc GPS để khoanh vẽ
- Kiểm chứng và thống nhất các đề xuất của người dân về giải pháp kinh doanh đất rừng trên thực địa
- Thống kê diện tích áp dụng các giải pháp kĩ thuật khác nhau ở các trạng thái.
- Thảo luận nhóm để lập một kế hoạch đơn giản về sử dụng đất rừng được giao

Kết quả

- Một bản đồ quy hoạch sử dụng đất rừng 1/10.000, thể hiện cơ cấu cây trồng vật nuôi, diện tích ở từng trạng thái đất, rừng trong từng lô, khoảnh, khu vực được giao.
- Một bản kế hoạch sử dụng đất rừng đơn giản trong 5 năm

Ví dụ: Bảng kế hoạch kinh doanh đất rừng 5 năm

Stt	Trạng thái rừng, đất	Vị trí	Diện tích (ha)	Giải pháp kinh doanh	Kế hoạch 5 năm				
					05	06	07	08	09
1	Đất trống	Đồi Cư Dăm	120	Nông Lâm kết hợp: Quế, Sắn	10	15	20	25	25
2	IIIA1 - Nghèo	Gần suối Dak To	250	Nuôi dưỡng rừng	250	250	250	250	250
		Trên đồi Cư Né	175	Làm giàu rừng bằng sao, dầu	15	15	25	25	30
...			...						
	Tổng theo giải pháp kinh doanh		170	Nông lâm kết hợp: Quế – Sắn	30	35	30	45	30
			500	Nuôi dưỡng rừng	500	500	500	500	500
			230	Làm giàu rừng bằng sao, dầu	40	40	50	50	50
									

4.3 Hướng dẫn các bước tiếp cận để ngăn ngừa mâu thuẫn trong giao đất rừng

Những nguyên tắc đánh giá, ngăn chặn và giải quyết mâu thuẫn trong quy trình LUP/FLA	Nguyên tắc đánh giá, ngăn chặn và giải quyết mâu thuẫn trong quy trình LUP/FLA Thiết lập cơ cấu điều phối - Ban chỉ đạo, Tổ công tác và Tổ GDGR xã Thông tin cho các thôn buôn về kế hoạch GDGR - Trường buôn được thông báo khi họp giao ban ở xã - Trường buôn tổ chức họp thôn - Lựa chọn sơ bộ thôn buôn khi họp giao ban ở xã Đánh giá nhu cầu của các thôn buôn - Nhu cầu, mong đợi và thực tế sử dụng rừng - Xác định các bên liên quan
Nguyên tắc đánh giá, ngăn chặn và giải quyết mâu thuẫn trong quy trình LUP/FLA Đại diện thôn và xã ưu tiên các đối tượng nhận rừng - Họp ở xã với đại diện của các thôn buôn - Các bên liên quan chịu ảnh hưởng gì khi GDGR? - Xây dựng / thống nhất các tiêu chí Rà soát lại diện tích giao - Họp ở xã với đại diện của các thôn buôn - Thôn buôn/các bên đề xuất điều chỉnh diện tích giao - Trình lên BCD huyện để xem xét/phê duyệt	Nguyên tắc đánh giá, ngăn chặn và giải quyết mâu thuẫn trong quy trình LUP/FLA Sự tham gia của người sẽ được nhận rừng trong quy trình LUP/FLA - Chuẩn bị bản đồ vẽ hiện trạng sử dụng đất và rừng của thôn buôn - Người dân cùng các bên liên quan xác định hiện trạng sử dụng đất (đi thực địa) - Chọn hình thức giao - Tiêu chí phân bổ đất đai nếu giao theo nhóm hộ - Kế hoạch phân bổ đất đai nếu giao theo nhóm hộ - Thông tin/phản hồi đến/từ người dân trong buổi họp thôn cuối cùng

PHẦN V: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN

Bao gồm các hướng dẫn xây dựng các văn bản, tài liệu:

- **Hướng dẫn 1: Mẫu đơn xin nhận đất rừng**
- **Hướng dẫn 2: Đề cương phương án giao đất rừng**
- **Hướng dẫn 3: Mẫu xây dựng kế hoạch giao đất rừng**
- **Hướng dẫn 4: Mẫu đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất rừng**
- **Hướng dẫn 5: Mẫu Quyết định của UBND huyện về việc giao đất rừng**

Hướng dẫn 1: Mẫu đơn xin nhận đất rừng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬN ĐẤT RỪNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

1. Chủ xin nhận đất:

1.1. Họ và tên chủ hộ gia đình, cá nhân:

- Ngày tháng năm sinh:

- Nghề nghiệp:

- Số chứng minh nhân dân: cấp ngày tại

- Họ và tên vợ (hoặc chồng) của chủ hộ:

- Số nhân khẩu trong hộ:

- Số lao động chính trong hộ:

- Chỗ ở hiện nay:

1.2. Tên tổ chức:

- Thành lập theo Quyết định số, ngày... / ... /, của

- Địa chỉ:

2. Làm đơn xin nhận đất rừng như sau:

2.1. Tổng diện tích xin nhận là:ha, tại các địa điểm như sau:

- Lô:, trạng thái rừng:, khoảng, tiểu khu: ..., mục đích sử dụng

Địa danh:

- Lô:, trạng thái rừng:, khoảng, tiểu khu: ..., mục đích sử dụng

Địa danh:

2.2. Hình thức xin giao nhận là:

- Xin Nhà nước giao sử dụng ổn định lâu dài: ☐

- Xin Nhà nước cho thuê sử dụng: ☐

(Đánh dấu × vào ô mà ông bà mong muốn)

Đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp xã, huyện xem xét giao đất rừng cho chúng tôi được quản lý và sử dụng. Sau khi được nhận đất, chúng tôi xin chấp hành đầy đủ mọi quy định của Nhà nước.

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Xác nhận của UBND xã

Xác nhận của trưởng thôn buôn

Người làm đơn ký tên

Hướng dẫn 2: Đề cương báo cáo phương án giao đất rừng

Phần thứ nhất: GIỚI THIỆU CHUNG

- Sự cần thiết của việc giao đất rừng trong khu vực.
- Những căn cứ để xây dựng phương án.
- Mô tả tóm tắt phương pháp tiến hành, tiếp cận trong xây dựng phương án.
- Giới thiệu tổng quát phương án

Phần thứ hai: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI KHU VỰC GIAO

2.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1. Vị trí địa lý, khu vực hành chính

2.1.2. Địa hình đất đai.

2.1.3. Khí hậu thủy văn.

2.1.4. Hiện trạng tài nguyên rừng và quá trình quản lý sử dụng

Phần này mô tả chi tiết kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên rừng và đất rừng bao gồm:

- Quá trình sử dụng đất rừng: Sử dụng kết quả công cụ 3, 4, 5, 6 để trình bày kết quả và đánh giá quá trình cũng như những đề xuất liên quan đến giao đất rừng.
- Tiềm năng về lâm sản ngoài gỗ dựa vào kinh nghiệm cộng đồng: Sử dụng kết quả công cụ 7 để phân tích đánh giá, đặc biệt vai trò của nó đối với cộng đồng nhận đất rừng
- Thống kê diện tích các trạng thái rừng theo khu vực, địa điểm: Kết quả công cụ 12.
- Các chỉ tiêu lâm học cho từng trạng thái rừng: Kết quả công cụ 14

2.2. Điều kiện kinh tế xã hội

2.2.1. Lịch sử phát triển thôn buôn, cộng đồng: Sử dụng kết quả công cụ 1.

2.2.2. Dân số, lao động, thành phần dân tộc và sự phân bố dân cư: Kết quả thu thập số liệu thứ cấp

2.2.3. Phân loại kinh tế hộ và vấn đề giao đất rừng: Sử dụng kết quả công cụ 2 để đánh giá thực trạng kinh tế hộ và nhu cầu về đất rừng để phát triển kinh tế hộ và cộng đồng; chú trọng đến những hộ đói nghèo.

2.2.4. Tổ chức cộng đồng và quản lý rừng truyền thống: Sử dụng kết quả sơ đồ Venn – công cụ 8.

2.2.5. Cơ cấu sản xuất:

2.2.6. Cơ cấu sử dụng đất thôn buôn: Bao gồm diện tích, năng suất, sản lượng. Đánh giá thực trạng sử dụng đất. Sử dụng kết quả số liệu thứ cấp, công cụ 3, 5 và 6.

2.2.7. Chăn nuôi

2.2.8. Ngành nghề khác

2.2.9. Cơ sở hạ tầng: Kết quả số liệu thứ cấp

2.2.10. Tín dụng, thị trường phục vụ sản xuất: Kết quả số liệu thứ cấp và các kết quả PRA liên quan.

Phần thứ ba: PHƯƠNG ÁN GIAO ĐẤT RỪNG

3.1. Mục tiêu của việc giao đất rừng

- Mục tiêu lâu dài
- Mục tiêu cụ thể

3.2. Quy mô, địa điểm, thời gian giao đất rừng

- Quy mô, địa điểm giao đất rừng: Trình bày diện tích, diện tích theo trạng thái rừng, địa điểm giao
- Thời hạn giao

3.3. Phương thức giao đất rừng

Trình bày toàn bộ kết quả đã thống nhất với thôn buôn:

- Giao đất rừng cho đối tượng nào: Hộ hay nhóm hộ (dòng họ) hay cộng đồng thôn buôn. Giải trình lí do hình thành phương thức này và tính hợp lí, hiệu quả và bền vững của nó.
- Phân chia đất rừng (diện tích, trạng thái rừng) đến từng đối tượng. Sử dụng kết quả công cụ 9, 10 và trình bày kết quả phân chia trong một bảng theo công cụ 13.

Phần thứ tư: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

4.1. Chính sách hưởng lợi

4.1.1. Quyền lợi: Trích các điểm quan trọng trong nghị định 163 và quyết định 178; bao gồm:

- Quyền lợi về mặt luật đất đai bao gồm các quyền trong sử dụng đất rừng
- Quyền hưởng lợi gỗ và lâm sản ngoài gỗ
- Các quyền lợi khác.

4.1.2. Nghĩa vụ

- Tổ chức bảo vệ rừng
- Tổ chức kinh doanh rừng
- Thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước như thuế, bảo vệ môi trường rừng.

4.2. Quy hoạch và kế hoạch đơn giản quản lý sử dụng đất rừng

4.2.1. Quy hoạch và kế hoạch quản lý sử dụng đất rừng ở thôn buôn: Sử dụng kết quả công cụ 11 và 15, trình bày kế hoạch sử dụng đất rừng 5 năm

4.2.2. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng cho từng loại đất, loại rừng: Biện pháp cụ thể được đề xuất từ cộng đồng ở công cụ 11 trên cơ sở các quy phạm hiện hành.

4.3. Đầu tư và giải pháp kinh doanh rừng

4.3.1. Dự kiến vốn đầu tư (tổng số vốn đầu tư, các nguồn vốn từ dân, từ các chương trình phát triển nông thôn, kế hoạch của xã, huyện,)

4.3.2. Biện pháp tổ chức kinh doanh

4.4. Tổ chức quản lý rừng ở cộng đồng

Trình bày về phương hướng tổ chức cộng đồng để quản lý, bảo vệ và kinh doanh các diện tích đất rừng được giao, như :

- Thành lập Ban quản lý rừng cộng đồng: Thành phần, trách nhiệm, quyền lợi
- Quy chế quản lý bảo vệ rừng cộng đồng
- Phân chia lợi ích từ đất rừng trong các nhóm hộ, cộng đồng

4.5. Hiệu quả của phương án

Phân tích và dự báo hiệu quả của phương án về 03 mặt: Kinh tế, xã hội và môi trường.

Phần thứ năm: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phụ lục: Bao gồm toàn bộ các bảng biểu, số liệu, văn bản liên quan để xây dựng phương án

Hướng dẫn 3: Lập khế ước giao đất rừng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
Số:...../KU-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẾ ƯỚC

**Giao đất rừng cho hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng quản lý,
sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2003
- Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004
- Căn cứ Nghị định số 163/1999/CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ, Quyết định số 661/1999/QĐ -TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ.
- Căn cứ Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp.
- Căn cứ Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.
- Căn cứ phương án giao đất rừng của UBND xã.....đã được UBND huyện.....phê duyệt tại quyết định số...../QĐ-UB ngày.....tháng.....năm.....
- Căn cứ quyết định số/...../QĐ-UB ngày....tháng....năm.... của UBND huyện.....về việc giao đất rừng cho (hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng) quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Hôm nay, ngày/...../.....tại văn phòng UBND huyện.....

Khế ước này được xác lập giữa:

Đại diện bên giao: (gọi tắt là bên A)

Ông (bà):.....

Ông (bà):.....

Ông (bà):.....

Ông (bà):.....

Đại diện bên nhận: (gọi tắt là bên B)

Ông (bà):.....

Ông (bà):.....

Ông (bà):.....

Ông (bà):.....

Tại thôn (buôn).....xã.....huyện.....tỉnh Đắk Lắk

Hai bên cam kết thực hiện việc giao đất rừng theo các điều khoản sau đây;

Điều 1: Bên A giao cho bên B diện tích đất rừng để quản lý, sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp tại lô..... bản đồ giao đất rừng thôn (buôn)..... (Lô.....,khoảnh....., tiểu khu.....thuộc địa bàn xã....., huyện....., tỉnh với các số liệu cụ thể như sau:

Tổng diện tích tự nhiên:.....ha.

Tổng diện tích có rừng.....ha, bao gồm:

Đất có rừng tự nhiên:.....ha, trong đó

- Rừng giàu:..... ha, số cây: trữ lượng:.....m3.
- Rừng trung bình: ha, số cây:trữ lượng:m3
- Rừng nghèo:.....ha, số cây: trữ lượng:.....m3.
- Rừng non: ha, số cây: trữ lượng:m3
- Rừng tre nứa:.....ha.
- Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa:.....ha, số cây:trữ lượng..... m3.

Đất có rừng trồng:ha, loài: tuổi:trữ lượng.....m3.

Đất không có rừng:.....ha.

(Có bản đồ tỷ lệ 1/10.000 kèm theo).

Điều 2: Thời gian giao là 50 năm, kể từ ngày hai bên ký khế ước.

Điều 3: Trách nhiệm và quyền hạn của bên A

1. Trách nhiệm:

- Xác lập rõ diện tích, hiện trạng rừng và đất rừng trên bản đồ và thực địa.
- Chỉ đạo, hướng dẫn các hộ gia đình (cá nhân, cộng đồng...) đầu tư, kinh doanh trên diện tích đất rừng được giao theo đúng qui định của nhà nước.
- Đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đã ban hành về giao đất rừng.
- Bồi thường thiệt hại cho bên B theo quy định của Nhà nước trong trường hợp Nhà nước thu hồi diện tích đất rừng đã giao để sử dụng vào mục đích khác.
- Xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm lâm luật nhằm giúp bên B yên tâm QLBRV, xây dựng và phát triển rừng trên diện tích đất được giao.
- Giải quyết tốt việc phân chia sản phẩm gỗ giữa nhà nước và chủ sử dụng đất rừng khi rừng được khai thác theo quy định hiện hành.

2. Quyền hạn:

- Có quyền kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quản lý bảo vệ và sản xuất kinh doanh rừng của bên B.
- Có quyền yêu cầu bên B sửa chữa những thiếu sót, sai lệch trong việc QLBRV và sử dụng đất rừng được giao.
- Đình chỉ hoặc huỷ bỏ khế ước khi bên B vi phạm nghiêm trọng các điều khoản đã quy định và xử lý các vi phạm của bên B theo luật định.

Điều 4: Quyền lợi và nghĩa vụ của bên B

1. Quyền lợi: Được quy định cụ thể từ điều 4 đến điều 9 trong Quyết định 178 ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Tùy theo loại rừng, hiện trạng cụ thể khi nhận mà áp dụng quyền hưởng lợi tương ứng. Ví dụ:

- Hộ gia đình, cá nhân được giao rừng đặc dụng để quản lý, bảo vệ và xây dựng thì áp dụng điều 4 trong quyết định 178.
- Hộ gia đình, cá nhân được giao rừng sản xuất là rừng trồng bằng vốn ngân sách nhà nước thì áp dụng điều 8 trong quyết định 178.
- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng tự nhiên và đất không có rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất để quản lý bảo vệ, xây dựng và để gây trồng rừng thì áp dụng điều 7 và điều 9 trong quyết định 178.

Các quyền lợi khác:

- Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng
- Được Nhà nước bảo hộ quyền lợi chính đáng về đất rừng.
- Khi nhà nước thu hồi đất rừng để phục vụ vào mục đích khác thì chủ sử dụng đất được bồi thường theo quy định của nhà nước tại thời điểm thu hồi.
- Được chính quyền địa phương, cơ quan pháp luật và cơ quan chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn QLBRV, gây trồng rừng, làm giàu rừng.....
- Được ưu tiên ký tiếp kế ước khi hết hạn.

2. Nghĩa vụ:

Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất rừng có những nghĩa vụ sau đây:

- Quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng và đất rừng được giao đúng mục đích, đúng ranh giới đã ghi trong quyết định giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Bảo toàn và phát triển vốn rừng được giao. Phải thực hiện các biện pháp tái tạo rừng trong vòng 1 năm sau khi khai thác.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Kế ước được gia hạn, không được gia hạn hoặc huỷ bỏ trong các trường hợp sau:

1. *Kế ước được gia hạn:* Khi bên B chấp hành đúng nội dung của kế ước này; có nhu cầu quản lý và sử dụng tiếp lô đất rừng và được bên A đồng ý.
2. *Kế ước không được gia hạn:* Khi bên B vi phạm khoản 2 điều 4 của kế ước này.
3. *Điều chỉnh bổ sung kế ước:* Trường hợp bên A hoặc bên B muốn điều chỉnh, bổ sung nội dung của kế ước thì phải báo cho bên kia biết trước 1 tháng.
4. *Hủy bỏ kế ước:*
 - Trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích khác.
 - Chủ sử dụng đất bị chết nhưng không có người thừa kế theo pháp luật.
 - Kế ước không thể thực hiện được trong những trường hợp bất khả kháng (sự việc xảy ra không lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép).

Điều 6: Thời hạn của khế ước này là 50 năm. Nếu bên nào vi phạm khế ước thì tùy theo mức độ mà xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Khế ước được lập thành 4 bản: bên A giữ 1 bản, bên B giữ 1 bản, UBND xãgiữ 1 bản và Hạt kiểm lâmgiữ 1 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
T/M UBND HUYỆN.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Hướng dẫn 4: Mẫu đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất rừng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

1. Chủ sử dụng đất¹:

- Họ tên chủ hộ gia đình (cá nhân):.....
- Năm sinh (của chủ hộ gia đình, cá nhân):
- Số CMND:..... cấp ngày...../...../..... tại
- Số đăng ký hộ khẩu:
- Họ tên vợ/chồng (của chủ hộ gia đình, cá nhân):
- Nơi thường trú:

2. Làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng tổng diện tích đất rừng:..... ha

(Bằng chữ:)

Các lô đất rừng xin đăng ký được kê khai trong bảng sau:

Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Trạng thái rừng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng ²	Nguồn gốc sử dụng đất rừng

3. Nguyên vọng xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung (riêng) cho các thửa như sau:

- Cấp mỗi lô một giấy cho các lô số:
- Cấp chung một giấy cho các lô số:

4. Kèm theo đơn này có các giấy tờ sau:

.....

¹ Chủ sử dụng đất là hộ gia đình cần ghi rõ: Hộ ông (bà) và họ tên chủ hộ. Hộ gia đình chỉ khai phần diện tích thuộc quyền sử dụng chung của cả hộ gia đình. Thửa đất thuộc quyền sử dụng của riêng một số thành viên trong hộ gia đình phải làm đơn riêng.

² Cột thời hạn sử dụng do UBND xã (phường, thị trấn) xác định.

Chúng tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng thực tế và bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật đất đai.

Ngày tháng năm

Người sử dụng đất

(Ký, ghi họ tên)

Ý KIẾN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

(Xã, phường, thị trấn)

.....
.....

Ngày tháng năm

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐỊA CHÍNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN

.....
.....

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐỊA CHÍNH

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn 5: Quyết định của UBND huyện về việc giao đất rừng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN.....
Số. /QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày. tháng. năm.

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND HUYỆN

(V/v Giao đất rừng cho các hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng thôn buôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/06/1994.

- Căn cứ vào Luật đất đai ngày 10/12/2003.

- Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004

- Căn cứ Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Căn cứ Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

- Căn cứ phương án giao đất rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số/ QĐ-UB ngày

- Xét đơn xin nhận đất rừng của các hộ gia đình, nhóm hộ, cá nhân, cộng đồng thôn buôn thuộc xã huyện đã được UBND xã xác nhận.

- Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp & Địa chính tại tờ trình số ngày về việc giao đất rừng cho các hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay giao cho thuộc xã, huyện, tỉnh đất rừng để quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp theo quy hoạch của phương án đã được phê duyệt.

Tổng diện tích giao: ha

Bao gồm các khoảnh: tiểu khu

và các khoảnh: tiểu khu

Nằm trên địa bàn xã huyện

Trong đó chia ra:

• Rừng sản xuất:

- Đất có rừng tự nhiên: ha

- Rừng giàu: ha
- Rừng trung bình: ha
- Rừng nghèo: ha
- Rừng non: ha
- Rừng hỗn giao gỗ tre nứa: ha
- Đất có rừng trồng: ha, loài: tuổi:
- Đất chưa có rừng: ha
- Rừng phòng hộ:
 - Đất có rừng tự nhiên: ha
 - Đất chưa có rừng: ha

(Có bản đồ và bảng số liệu kèm theo)

Điều 2: Thời hạn giao đất rừng là năm kể từ ngày ra quyết định giao.

Điều 3: Bên nhận đất rừng phải sử dụng đúng mục đích, ranh giới và diện tích được giao; chấp hành nghiêm chỉnh Luật đất đai, Luật bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản luật, dưới luật hiện hành khác. Thực hiện theo đúng khế ước đã được ký kết giữa hai bên.

Điều 4: Các ông chánh văn phòng, thủ trưởng cơ quan địa chính các cấp, chủ tịch UBND xã và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, thôn buôn có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 4
- Lưu VP-UB

TM/ UBND HUYỆN

Chủ tịch

(ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, NHÓM HỘ
ĐƯỢC GIAO ĐẤT RỪNG**

(Kèm theo Quyết định/QĐ-UB của UBND huyện)

Đơn vị: Thôn buôn xã

Stt	Tên chủ sử dụng đất rừng	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Trạng thái	Địa danh	Mục đích sử dụng

Ngày.....tháng năm.....

T/M UBND HUYỆN

Chủ tịch

(ký, đóng dấu)